

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



CTỶ CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

Tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

STT	NỘI DUNG	TRANG SỐ
	Lời mở đầu	
I	Thông tin chung	01
	Thông tin khái quát	01
	Quá trình hình thành và phát triển	01
	Ngành nghề kinh doanh	01
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	02
	Sơ đồ tổ chức	03
	Các công ty con, công ty liên kết	04
	Định hướng phát triển	04
	Chiến lược phát triển trung và dài hạn	04
	Các rủi ro	05
II	Tình hình hoạt động trong năm	06
	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	06
	Tổ chức và nhân sự	07
	Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án	08
	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015	10
	Tình hình tài chính	11
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	12
III	Các chứng khoán khác	13
IV	Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc	13
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
	Đặc điểm tình hình	13
	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014	15
	Phương hướng nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, đầu tư 2015	19
	Một số biện pháp chủ yếu	20
	Tình hình tài chính	21
	Những cải tiến về tổ chức, cơ cấu quản lý	22
	Đánh giá giám sát cán bộ quản lý	24
V	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất, kinh doanh	31
VI	Quản trị công ty	34
	Các giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD	37
	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	38
	Báo cáo kiểm toán	39

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa toàn thể các Quý Vị Cổ đông thân mến,

Năm 2014, cả ngành cao su nói chung và Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất nói riêng đã trải qua một chặng đường vô cùng khó khăn và đầy thử thách : Sự ảnh hưởng của thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh cây cao su, thiếu lao động, giá bán cao su liên tục giảm và chỉ bằng khoảng 35% năm 2012, cầu thị trường yếu ớt ... đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su. Ngoài ra, sự biến động bất ổn định của ngành hàng nông sản nhất là hạt điều cũng tác động hạn chế đối với hoạt động chế biến, gia công và kinh doanh điều. Bên cạnh đó, một số cơ chế, chính sách chung ... cũng tác động không nhỏ đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như : Cơ chế tiền lương, tiền thuê đất nông nghiệp tính theo vị trí khu vực , vai trò của Chủ sở hữu đối với công ty có vốn nhà nước chi phối 51%...

Tuy nhiên, trong bối cảnh với muôn vàn khó khăn đó đã nổi lên được tinh thần đoàn kết, hiệp nhất đầy sáng tạo của toàn thể người lao động trong Công ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất cùng với sự điều hành năng động của Ban Tổng Giám đốc công ty và đặc biệt là sự lãnh đạo kịp thời của Hội Đồng Quản Trị công ty .. thể hiện quyết tâm sự nỗ lực phấn đấu đồng hành cùng với sự cộng tác đầy nhiệt huyết của các cổ đông chiến lược, sự ủng hộ của các khách hàng cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan , ban ngành trong Tỉnh ... Công ty Cổ Phần cao su Thống Nhất đã mạnh mẽ bước qua năm 2014 với những kết quả đạt được như sau :

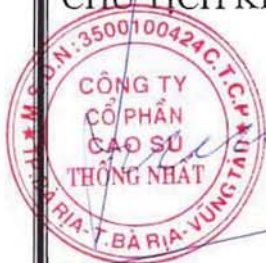
- Doanh thu : 98,7 tỷ đồng đạt 105,9% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 21,16 tỷ đồng đạt 141,1% kế hoạch
- Nộp ngân sách : 9,28 tỷ đồng đạt 185,6% kế hoạch
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / doanh thu : 21,42%
- Tổng sản lượng khai thác quy khô : 1.323, tấn đạt 109,34% kế hoạch

Tuy những con số đạt được nêu trên là không lớn, nhưng đó chính là thành quả đáng phấn khởi của một khối kết dính những tiền đề nêu trên đây, đồng thời đó cũng chính là động lực giúp công ty chủ động tiếp đón những thử thách, khó khăn của năm 2015 trong sự tự tin và quyết thắng . Với niềm tin đó, tôi tin rằng Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất sẽ đảm bảo được quyền và lợi ích của các cổ đông , người lao động trong công ty trong năm 2015.

Thay mặt Hội đồng quản trị , Ban Tổng Giám đốc công ty, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các Quý vị cổ đông, Người lao động của Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất và tôi mong rằng sự đoàn kết gắn bó của các Quý vị cổ đông, Người lao động và công ty sẽ mãi mãi bền chặt và phát triển. Kính chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt đến với toàn thể các Quý vị cổ đông, Người lao động trong công ty.

Trân trọng.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN LỢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT Năm báo cáo: 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
- Mã số doanh nghiệp : 3500100424
- Vốn điều lệ: 192.500.000.000,đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 192.500.000.000,đồng
- Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh BRVT
- Số điện thoại: 0643.823119 Số fax: 0643.823120
- Website: *trc.com* Email : *thongnhat.trc@gmail.com*
- Mã cổ phiếu : TNC – Sàn giao dịch : HOSE

2. Quá trình hình thành và phát triển

→ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: 26/06/2006
- Thời điểm niêm yết: 27/08/2007
- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

→ Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su;
- Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng;

Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

STT	Doanh thu	2013	2014
01	DT bán mũ cao su	45,14%	71,56%
02	Doanh thu TAGS	12,72%	4,18%
03	DT KD điều nhân và gia công	32,94%	21,69%
04	DT SX SP gỗ	8,08%	0%
05	DT KD khác	1,13%	2,57%

Tỷ trọng doanh thu sản xuất gỗ bằng (0) là do xí nghiệp chấm dứt hoạt động;

Tỷ trọng doanh thu thức ăn gia súc giảm là do nhà máy hoạt động 5 tháng đầu năm và chấm dứt hoạt động cuối tháng 05/2014 do không hiệu quả gây thất thoát vốn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.



→ Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông

+ Hội đồng quản trị gồm : 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ Tịch HĐQT và 03 Ủy viên trong đó có 02 Ủy viên là thành viên độc lập không điều hành đồng thời là cổ đông chiến lược ; là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

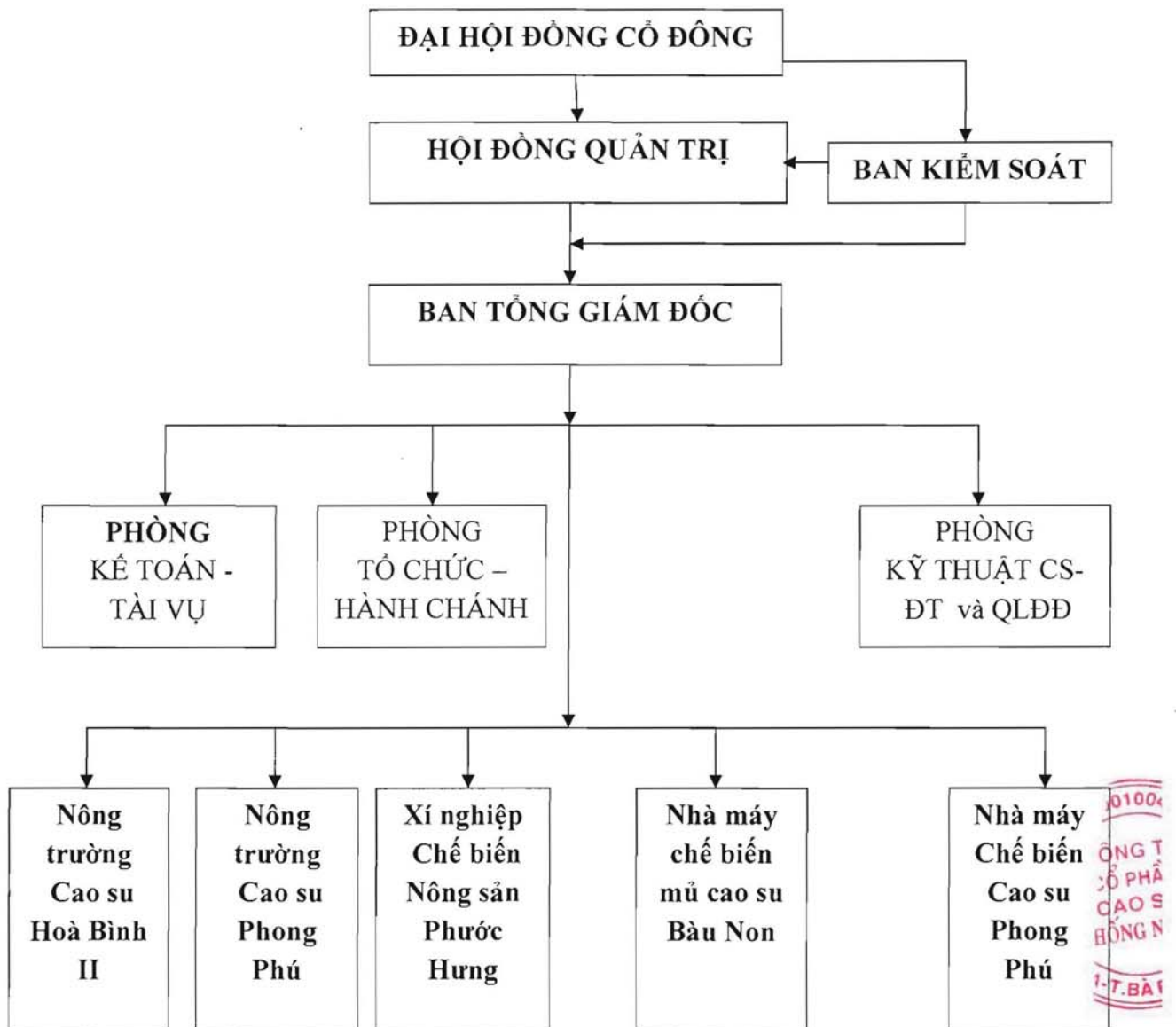
+ Ban Kiểm soát : Gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

+ Ban Tổng Giám đốc gồm : 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc; là cơ quan điều hành quản lý cấp cao trong công ty, chịu trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của HĐQT và chịu sự giám sát của HĐQT;

+ Các phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức- Hành chính, Phòng Kỹ thuật cao su - Đầu tư & QLĐĐ và Phòng Kế toán – Tài vụ : thực hiện việc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ra các quyết định điều hành và quản lý SXKD.

+ Các đơn vị sản xuất trực tiếp: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mù cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mù cao su Bàu Non, Xí Nghiệp chế biến Nông sản Phước Hưng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



5. **Các công ty con, công ty liên kết:**

- Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập Khẩu Nông Lâm Sản và Phân Bón Bà Rịa : Tỷ lệ tham gia cổ phần 12% Vốn điều lệ.
- Kết quả hoạt động SXKD của Baria- Serce :
 - + Năm 2010 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 89,559 tỷ đồng
 - + Năm 2011 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 97,550 tỷ đồng
 - + Năm 2012 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 100,400 tỷ đồng
 - + Năm 2013 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 83,171 tỷ đồng
 - + Năm 2014 : Lợi nhuận sau thuế TNDN : 137,300 tỷ đồng

6. **Định hướng phát triển**

+ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty** : Với mục đích huy động vốn từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước , đồng thời sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Giữ vững và phát triển thị trường hiện có, đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất – kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty và các cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích của các cổ đông; tăng thu ngân sách nhà nước tại địa phương; đóng góp vào các chương trình an sinh xã hội theo khả năng của Công ty; và các mục tiêu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

→ **Về trung hạn** :

- Thực hiện việc đổi mới vườn cây cao su bằng biện pháp thanh lý dần và trồng mới giống cây có năng suất cao và khả năng kháng bệnh tốt để dần dần thay thế hoàn toàn những vườn cây cao su do trước đây trồng không đúng kỹ thuật, giống cây cũ, năng suất thấp. Tuy nhiên, theo dự báo của những nhà nghiên cứu về thị trường cao su cho thấy rằng: khả năng giá cao su có thể hồi phục khoảng giữa năm 2018; Nếu dự báo này đúng thì nguy cơ khủng hoảng đối ngành cao su là có khả năng xảy ra. Vì vậy trong định hướng trung hạn, HĐQT có xem xét tính đến khả năng phát triển xen canh cây ngắn ngày hoặc thay thế cây dài hạn khác.

- Hoàn thiện việc đầu tư theo hướng hiện đại hoá tại XN Chế biến nông sản Phước Hưng, Nhà Máy chế biến cao su Phong Phú nhằm tăng năng suất chế biến. Song song đó, đào tạo và mở rộng đội ngũ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại để tăng thị phần đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh nông sản.

- Xem xét việc mua lại cổ phiếu quỹ của công ty nhằm giữ ổn định giá thị trường của cổ phiếu TNC khi giá xuống thấp dưới mệnh giá..

- Đào tạo đội ngũ nhân viên trẻ kế thừa với đầy đủ Tâm – Tâm – Tài để điều hành công ty.

→ Trong dài hạn:

+ Hiện tại , Hội đồng quản trị công ty chưa có chiến lược gì trong dài hạn.

+ Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

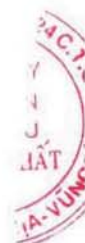
→ **Thời tiết** : Trong trường hợp thời tiết xấu như mưa kéo dài hoặc hạn hán kéo dài có thể làm giảm sản lượng vườn cây cao su do phát sinh bệnh vườn cây, làm tăng giá nông sản do mất mùa ... do vậy nên giảm doanh thu và lợi nhuận. Mặt khác, các cơn bão sẽ là mối đe dọa lớn nhất đối với vườn cây cao su;

→ **Biến động nền kinh tế thế giới**: Sự suy giảm , khủng hoảng nền kinh tế thế giới và sụt giảm đáng kể của giá dầu thô, khủng bố và nguy cơ chiến tranh ... sẽ kéo theo sự sụt giảm giá tiêu thụ cao su sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến doanh thu và lợi nhuận công ty. Và sự sụt giảm rõ rệt trong năm 2013 kéo dài đến hết năm 2014 và đang tiếp tục suy giảm từ đầu năm 2015. Tại thời điểm lập báo cáo thường niên này, giá tiêu thụ sản phẩm mủ cao su SVR3L thấp hơn giá thành sản xuất (chưa phân bổ phí quản lý) khoảng 8 triệu đồng/tấn.

→ **Lạm phát** : Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến các yếu tố chi phí đầu vào như : phân bón, điện, nước sinh hoạt ... trong khi giá bán sản phẩm cao su phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới nhất là trong giai đoạn hiện nay; Điều quan trọng nhất là ảnh hưởng đến đời sống của người lao động do tiền lương tính theo giá bán từ đó có khả năng công nhân bỏ việc cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng cao su.

→ **Chính sách thuế**: Tiền thuê đất tính theo vị trí đất là không phù hợp đối với ngành sản xuất nông nghiệp (ngành nông nghiệp chỉ nên tính theo hạng đất) , do vậy, tiền thuế tăng cao sẽ đẩy giá thành tăng theo.

→ **Chính sách tiền lương theo cơ chế hiện hành** (điều chỉnh theo năng suất, lợi nhuận năm thực hiện so với năm trước) là không phù hợp với ngành cao su vì: giá bán mủ cao su là do thị trường thế giới quyết định, phụ thuộc vào khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu... Vì vậy, khi giá bán giảm thì tất yếu lợi nhuận sẽ giảm. Cụ thể là năm 2014 so với 2012 giá bán đã giảm 70%, so với năm 2013 giảm 37%. Về năng suất: Cây cao su rất nhạy cảm với thay đổi thời tiết, bệnh dịch cây phát sinh rất nhanh và lan toả rộng. Việc trị bệnh vườn cây chỉ là giải pháp đối phó. Trong đó, hạn hán là nguyên nhân làm giảm sản lượng một



cách đáng kể. Mặt khác, công nhân bỏ việc do tiền lương giảm cũng gây giảm sản lượng vì: Công nhân mới tuyển dụng sẽ không có tay nghề chuẩn như công nhân đã làm lâu. Ít nhất sau 12 tháng công nhân mới có tay nghề đạt.

→ **Cơ chế vốn nhà nước chi phối** : Cơ chế công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối cũng ảnh hưởng không nhỏ đến các chiến lược của công ty do : Việc áp dụng các cơ chế đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu đối với công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối 100% là chưa phù hợp. Trường hợp này nếu như 49% vốn của các đồng còn lại không đồng thuận thì tất yếu sẽ dẫn đến các nghị quyết không được thông qua và cơ chế hoạt động của công ty sẽ gặp khó khăn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: *(Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.)*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: *(So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.)*

ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	% So với KH 2014	% So với 2013
Tổng tài sản	332.605		348.066,		95,56
Tổng doanh thu	99.365	93.279	191.588,	106,52	51,86
Lợi nhuận từ HĐKD	3.738	7.000	24.751,	53,40	15,10
Lợi nhuận từ hoạt động khác	17.635	8.000	15.674,	220,44	112,51
Tổng lợi nhuận trước thuế	21.373	15.000	40.425,	142,49	52,87
Tổng lợi nhuận sau thuế	17.501		34.210,		51,16
Nộp Ngân sách	9.334	5.000	13.987,	186,68	66,73
Ti lệ cổ tức	5%	5%	14%	100%	35,71

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: *(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).*

+ DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

2.1 – Ông LÊ VĂN LỢI :

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty;

- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Năm sinh : 1956
- CMND : 270098489
- Địa chỉ thường trú: 279 đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Phước Hiệp , Thành phố Bà Rịa , Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.775.000 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 30% VDL)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.2- Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG:

- Chức vụ : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ , Kế toán trưởng công ty;
- Trình độ : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Luật Sư, Cử nhân kinh tế.
- Năm sinh : 1966
- CMND : 273435935
- Địa chỉ thường trú: 3 tổ 11, Phước Thành, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 1992 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 4.043.700 cp (Đại diện phần vốn nhà nước : 21% VDL là 4.042.500cp)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.3 – Ông NGUYỄN VĂN THOẠI :

- Chức vụ : Thành viên HĐQT ;
- Trình độ : Sư phạm tiểu học
- Năm sinh : 1961
- CMND : 270734729
- Địa chỉ thường trú: 08/6 ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Quá trình công tác : Từ năm 1979-2000 : Giáo viên tiểu học; Từ 2001 đến nay Phó giám đốc Công Ty TNHH Hưng Nhơn.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 1.000.000, cp (Đại diện cổ đông Công ty TNHH Hưng Nhơn)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.4 – Ông ĐỖ KHẮC TÙNG:

- Chức vụ : Thành viên HĐQT công ty;
- Trình độ : 12/12
- Năm sinh : 1959
- CMND : 270576208
- Địa chỉ thường trú: Ấp Núi Trung, huyện Long Khánh – Tỉnh Đồng Nai

- Quá trình công tác : Từ năm 1999 đến nay : Chủ cơ sở phân bón Long Khánh
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 400.000 cp (cá nhân)
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

2.5 – Ông NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM :

- Chức vụ : Thành viên HĐQT ;
- Trình độ : Cử Nhân Kinh tế
- Năm sinh : 1977
- CMND : 273145541
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khu phố 7, Phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác : Từ năm 2004 đến nay công tác tại Công ty Cao su Thống Nhất nay là Công Ty Cổ Phần cao su Thống Nhất
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cp .
- Họ tên người có liên quan : Theo danh sách kèm theo.

- Những thay đổi trong ban điều hành: *(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)*:

1. Ông Lê Cao Thương từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2014 và thôi việc từ ngày 19/04/2014.

– Số lượng cán bộ, nhân viên:

- * Tổng số người lao động trong công ty có mặt vào thời điểm ngày 31/12/2014 là : 574, người . Trong đó : Lao động trực tiếp sản xuất (không tính phụ trợ) : 512, người chiếm tỷ lệ : 89,2, %
- * Chính sách đối với người lao động: công ty luôn tạo mọi điều kiện cho người lao động trong công ty được học tập, nâng cao tay nghề và cuộc sống ngày càng được ổn định đi lên.
- Áp dụng cơ chế khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời nhằm động viên tốt, ngăn chặn xấu.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ trong năm cho người lao động để bảo đảm ..chăm lo sức khỏe cho người lao động.
- Hàng năm, tổ chức cho người lao động được tham quan nghỉ mát cho người lao động trong và ngoài nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: *Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).*

- Vốn đầu tư XDCB theo kế hoạch năm 2014: 13.645.355,17 triệu đồng,
- Kết quả thực hiện đầu tư XDCB trong năm 2014: 12.475 triệu đồng đạt 91,4% KH. (Xem phụ lục 1).
- Một số công trình XDCB nằm trong kế hoạch năm 2013 chưa hoàn thành được chuyển sang năm 2014

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2014 (PL1)

ĐVT : 1.000đ

Stt	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Giá trị KH	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP				
I	Các công trình XDCB KH 2013 chuyển sang 2014			3,300,038	
1	NTCS Hòa Bình 2	Cái		1,802,500	
	Tường rào bao quanh Nông trường	M	500	402,500	
	Làm đường lô 18-20	M	1,500.0	700,000	
	Tu bổ đường lô 41-39, 43-44	M	1,500.0	700,000	
2	Nhà máy sơ chế Cao su Phong Phú			1,157,538	
	Xây kho thành phẩm và đường vào kho	m ²	162.0	1,045,538	Đang QT
	Làm đường bê tông ra trạm xử lý nước thải	m ²	187.0	42,000	
	Làm đường xe vào đồ cũi 70m x 5m	m ²	350.00	70,000	
3	XN CBNS Phước Hưng			340,000	
	Mua mới đầu thổi máy bóc lụa	Cái	2.0	100,000	
	Lợp lại mái nhà kho thành phẩm	m ²	800.0	96,000	
	Lợp lại mái nhà kho nguyên liệu	m ²	1,200.0	144,000	
II	Các công trình đầu tư mới trong năm 2014			10,345,317	
1	NTCS Hòa Bình 2			500,000	
	Hàng rào kẽm gai Đội 2	M	1,500.0	500,000	
2	NTCS Phong Phú			63,800	
	Đào hố tích mùn vườn cây năm 4	ha	29,8	28,800	
	Đào hố tích mùn 50% diện tích năm thứ 5	ha	35.0	35,000	
6	Đầu tư xây dựng cơ bản vườn cây cao su		761.35	9,781,517.17	
	* Trong đó:				
6.1	NTCS Phong Phú	ha	183.19	1,597,987.70	
	Trồng mới	ha	-		
	Chăm sóc năm 2	ha	92.14	971,790	
	Chăm sóc năm 3	ha	-		
	Chăm sóc năm 4	ha	29.80	218,906	
	Chăm sóc năm 5	ha	34.00	249,546	
	Chăm sóc năm 6	ha	27.25	157,746	
6.2	NTCS Hoà Bình 2	ha	578.16	8,183,529.47	
	Vườn ương	ha	1.25	582,733.20	
	Vườn nhân	ha	0.80	84,908.10	
	Hạng mục bầu 1 tầng lá	bầu	35,000.00	37,010.27	
	Hạng mục bầu 3 tầng lá	bầu	3,000.00	5,344.00	
	Trồng mới	ha	97.70	3,551,080.00	
	Chăm sóc năm 2	ha	117.93	1,188,351.70	
	Chăm sóc năm 3	ha	101.07	824,913.50	
	Chăm sóc năm 4	ha	96.50	693,329.50	
	Chăm sóc năm 5	ha	90.00	732,645.70	

1004
G T Y
H A N
S U
G N H
A R I P

Chăm sóc năm 6	ha	71.21	471,707.90
Chăm sóc năm 7	ha	1.70	11,505.60
Tổng vốn đầu tư (I + II):			13,645,355.17

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2015(PL02)

ĐVT : 1.000đ

Stt	Nội dung	ĐVT	KL	Giá trị KH	Ghi chú
A	NGUỒN VỐN DOANH NGHIỆP				
I	Các công trình XDCB năm 2014 chuyển sang năm 2015			1,170,000,000	
1	NTCS Hòa Bình 2			960,000,000	
	Xây tường rào xung quanh Nông trường	m	530.0	960,000,000	
2	XN CBNS Phước Hưng			210,000,000	
	Lợp lại mái nhà kho thành phẩm	m2	800.0	90,000,000	
	Mua mới đầu thổi máy bóc lụa	cái	2.0	120,000,000	
II	Các công trình đầu tư mới trong năm 2015			2,671,700,000	
1	NTCS Hòa Bình 2			1,526,600,000	
	Trang bị mới máy phun thuốc	cái	2.0	125,000,000	
	Làm hàng rào kẽm gai Đội 1, 2, 3	m	395.0	31,600,000	
	Nhà làm việc cơ giới	m2	20.0	50,000,000	
	Làm vòm mái che, nền xi măng Đội 3 và Đội XDCB	m2	240.0	72,000,000	
	Làm đường lô 39,40,43,58,74.79,86,89,95,63,64,65	km	3.0	1,050,000,000	
	Đào mương chống lún chiếm lô trồng mới 44,57,24,62,85, 90,95,88,96,71,72	m3	5,500.0	126,000,000	
	Lắp hồ bom điện tích trồng mới	m3	3,200.0	72,000,000	
2	NTCS Phong Phú			105,000,000	
	Thay mới kính, ron cửa chính nhà Văn phòng	m2	3.0	500,000	
	Di dời đường dây điện chòi thùng	m	360.0	2,500,000	
	Làm sân bê tông trước nhà chứa mũ tạp	m2	24.0	6,000,000	
	Đào hồ tích mùn vườn cây năm 5	hố	8,000.0	64,000,000	
	Đào hồ tích mùn vườn cây năm 6 (50% DT còn lại)	hố	4,000.0	32,000,000	
3	Nhà máy chế biến mũ cao su Phong Phú			105,000,000	
	Xây tường, làm nền xung quanh chống tràn tại trạm XLNT	m3	1.0	5,000,000	
	Khoan giếng công nghiệp sâu từ 60 - 80m	giếng	1.0	100,000,000	
4	Nhà máy chế biến mũ cao su Bàu Non			25,100,000	
	Thay tôn nóc nhà xưởng chế biến mũ	m	20.0	2,000,000	
	Thay xà gỗ mái và nóc nhà xưởng chế biến mũ	m	100.0	9,000,000	
	Thay mới các tôn bị mục tại kho chứa mũ, xưởng gỗ	m	100.0	9,600,000	
	Thay tôn Fibrociment và xà gỗ gỗ nhà để rác nguy hại	m2	18.0	4,500,000	
5	XN CBNS Phước Hưng			910,000,000	
	Trang bị xe tải Huyndai 3.5 tấn	chiếc	1.0	480,000,000	
	Xe nâng Mitsubishi FD25T	chiếc	1.0	430,000,000	
6	Diện tích cao su xây dựng cơ bản				
	* Trong đó:				
6.1	NTCS Phong Phú		180.11	1,700,313,420	
	Chăm sóc năm 3	ha	92.46	901,550,955	

	Chăm sóc năm 4	ha	0.0	0
	Chăm sóc năm 5	ha	29.80	311,540,871
	Chăm sóc năm 6	ha	34.00	301,740,802
	Chăm sóc năm 7	ha	23.85	185,480,792
6.2	NTCS Hoà Bình 2	Ha.đ	881.480	24.402.024.079
	Vườn ương tum trần	ha	1.0	557,986,418
	Chăm sóc bầu 3 tầng lá	bầu	35,000.0	121,683,168
	Chăm sóc bầu 1 tầng lá	bầu	35,000.0	58,432,760
	Vườn nhân	ha	0.80	115,723,915
	Trồng mới	ha	300	18.181.187.652
	Chăm sóc năm 2	ha	102.97	1,296,685,826
	Chăm sóc năm 3	ha	117.93	1,102,566,576
	Chăm sóc năm 4	ha	101.07	807,220,149
	Chăm sóc năm 5	ha	94.80	882,429,639
	Chăm sóc năm 6	ha	90.00	744,386,577
	Chăm sóc năm 7	ha	71.21	521,040,914
	Chăm sóc năm 8	ha	1.70	12,680,485
	TỔNG CỘNG			29.944.037.499

b) **Các công ty con, công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: công ty có kế thừa khoản góp vốn vào Công ty Cổ Phần XNK Nông Lâm Sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) 1.796.000 USD. Hoạt động chủ yếu của Baria – Serece là khai thác các dịch vụ về cảng biển và dịch vụ kho bãi như : bốc dỡ hàng hoá, cập tàu, cho thuê kho... Thu nhập trước thuế năm 2013 của Baria- Serece khoảng gần 83,tỷ đồng. Tuy nhiên, do còn phải đầu tư mở rộng quy mô nên hiện tại chia cổ tức cho cổ đông khoảng 40% lợi nhuận sau thuế TNDN.

Hiện nay các cổ đông nước ngoài đang xúc tiến việc mua lại cổ phần của cổ đông Bitex (nắm giữ : 10% VDL) và Việt Hà (nắm giữ : 08% VDL). Nếu việc mua bán thành công thì các cổ đông nước ngoài sẽ nắm giữ 88% VDL Baria-Serece. Với tỷ lệ nắm giữ như vậy, các cổ đông nước ngoài sẽ quyết định tất cả các vấn đề tại Baria-Serece mà không cần có ý kiến của Cổ đông Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất (TRC). Trong tương lai, nếu các cổ đông này thực hiện việc tăng vốn điều lệ thì khả năng tỷ lệ nắm giữ của TRC sẽ nhỏ dần.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013	% tăng(+) giảm(-)
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:				
Tổng giá trị tài sản	Đồng	332.604.942.510	348.065.921.660	-4.44%
Doanh thu thuần	Đồng	63.873.191.649	142.047.640.067	-55.03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	3.738.037.761	24.751.247.637	-84.90%

Lợi nhuận khác	Đồng	17.634.905.385	15.674.058.525	12.51%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	21.372.943.146	40.425.306.162	-47.13%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.501.358.112	34.209.983.341	-48.84%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5	14	-64.29%

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:				
Các chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6.62	6.87	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5.71	5.85	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	9.29%	9.15%	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10.24%	10.07%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2.26	4.37	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	19.20%	40.81%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27.40%	24.08%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5.80%	10.82%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.26%	9.83%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5.85%	17.42%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tất cả cổ phần trong Công Ty Cổ Phần Cao Su Thống Nhất hiện đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

c) Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

A		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu
I	Trong nước		
1	Cá nhân	1.360	6.266.006
2	Tổ chức	12	2.555.174
	Cộng trong nước	1.372	8.821.180
II	Nước ngoài		
1	Cá nhân	31	80.750
2	Tổ chức	6	446.770
	Cộng nước ngoài	37	527.520
	Cộng đã lưu ký	1.409	9.348.700
B	Chưa lưu ký	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu

I	Trong nước		
1	Cá nhân	63	83.800
2	Tổ chức	1	9.817.500
	Cộng trong nước	64	9.901.300
II	Nước ngoài		
1	Cá nhân		
2	Tổ chức		
	Cộng nước ngoài	0	0
	Cộng chưa lưu ký	64	9.901.300
	Tổng Cộng	1.473	19.250.000

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

III. Các chứng khoán khác: Không

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

So với kế hoạch đề ra, năm 2014, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sau khi điều chỉnh do biến động khách quan tháng 7/2014. Về những thuận lợi và khó khăn sẽ được trình bày cụ thể dưới đây.

I-ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

Năm 2014, do khó khăn trong sản xuất kinh doanh có 02 đơn vị trực thuộc Công ty phải chấm dứt hoạt động:

- Xí nghiệp chế biến gỗ Phước Trung (Tháng 1)

- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Hưng Long (Tháng 5)

Thành lập mới phòng Kỹ thuật - Đầu tư & QLĐD từ việc sát nhập 2 phòng: phòng Kỹ thuật - Đầu tư và phòng Kinh doanh - Môi trường (tháng 5)

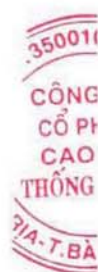
1-Khó khăn :

- Năm 2014 kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu và tình hình chính trị bất ổn tại một số nước.

- Giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới vẫn tiếp tục biến động theo xu hướng giảm dần, chưa thấy dấu hiệu phục hồi. Khu vực Châu Âu vẫn trì trệ về kinh tế và các nền kinh mới nổi cũng không còn tăng trưởng “nóng”.

- Cao su trong nước không thể không ảnh hưởng đến thị trường và giá cao su thiên nhiên trên thế giới. Giá bán duy trì ở mức thấp nhất kể từ đầu năm 2014 đến nay.

Nếu như giá bán bình quân năm 2013 của Công ty chỉ bằng 50% so với năm 2011 thì năm 2014 giá bán bình quân tiếp tục giảm sâu, chỉ bằng 70% so với năm 2013. Giá cao su



thấp dẫn đến đơn giá tiền lương sản phẩm của người lao động giảm và thiếu lao động cạo mủ là điều tất yếu. Cụ thể:

Vào đầu mùa khai thác mủ công nhân cạo mủ Nông trường Hòa Bình 2 xin nghỉ việc, bỏ việc 75 người, tuyển dụng mới 35 người. Ngay vào đầu mùa cạo chỉ riêng Đội 3 thiếu 25 công nhân, phải chuyển chế độ cạo từ nhịp độ d/3 sang d/4 (bốn ngày cạo 1 lần) nhưng còn thiếu 16 lao động. Do không có lao động phải tạm thời ngưng cạo 171,84 ha. Nông trường cao su Phong Phú thiếu 02 lao động cạo mủ từ đầu mùa cạo đến cuối năm.

Bên cạnh đó nắng hạn diễn ra gay gắt, kéo dài từ giữa tháng 10 năm trước đến cuối tháng 5/2014. Ngày 2/6/2014 NTCS Hòa Bình 2 mới cạo xả, như vậy so với các năm trước trễ hơn 01 tháng.

- Cơ chế tiền lương áp dụng theo Nghị định 49, 50, 51 của chính phủ và các thông tư 18,19 của Bộ Lao động TB&XH, áp dụng kể từ năm 2014 không phù hợp với thực tế sản xuất của Công ty trong điều kiện hiện tại là năng suất vườn cây, năng suất lao động thấp. Do không có nguồn nguyên liệu, công suất chế biến mủ chỉ đạt 50% so với công suất thiết kế. Giá bán cao su thấp hơn giá thành sản xuất đã ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động giảm đáng kể, đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng công nhân bỏ việc để chuyển sang hợp đồng lao động với các ngành công nghiệp, dịch vụ khác.

- Tiền thuê đất trồng cây cao su trước đây tính theo hạng đất, nay tính theo vị trí, khu vực là không thực tế, không phù hợp làm tăng giá thành sản phẩm.

- Do sự bất cập của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội về chế độ, chính sách đối với người lao động như:

+ Luật lao động quy định: người lao động bảo đảm điều kiện về thời gian đóng BHXH nhưng chưa đủ điều kiện về tuổi hưởng chế độ lương hưu, khi người lao động xin thôi việc thì doanh nghiệp phải chi trả trợ cấp thôi việc mỗi năm làm việc là ½ tháng lương và phụ cấp nếu có.

+ Luật BHXH quy định: Người lao động đủ thời gian đóng BHXH để hưởng hưu trí nhưng còn thiếu tuổi để được nghỉ hưu theo quy định thì được bảo lưu chờ đến tuổi nghỉ hưu được hưởng chế độ hưu trí.

Từ sự bất cập trên, người lao động gần đến tuổi nghỉ hưu, họ gửi đơn xin nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động để hưởng trợ cấp thôi việc của doanh nghiệp mà vẫn được bảo lưu BHXH để hưởng chế độ hưu trí. Số tiền mà doanh nghiệp chi trợ cấp thôi việc cho người lao động là rất lớn, phải hạch toán vào chi phí nên giá thành đội lên cao (kể từ năm 2012, không thực hiện việc sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động).

2-Thuận lợi :

- Được sự quan tâm hỗ trợ tích cực của các Sở Ngành và các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý vườn cây, bảo vệ sản phẩm, an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý đất đai, quy định xử lý miễn giảm thuế đối với diện tích đất vườn cây XDCB.

- Hội đồng quản trị lãnh đạo bằng các nghị quyết một cách thường xuyên, sâu sát để ban Tổng Giám đốc có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, hiệu quả trong SXKD. Các đơn vị trực thuộc đã triển khai thực hiện đạt kết quả khá tốt như: Hoàn thành sản lượng khai thác mủ, chất lượng cao su thiên nhiên đạt tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3769: 2004 đối với

sản phẩm cao su SVR-3L, RSS tỷ lệ trên 99%. Kết thúc công tác trồng mới tái canh trên diện tích 102,97 ha tại NTCS Hòa Bình 2 trước thời hạn 15 ngày. Hoàn thành các chỉ tiêu tái chính năm 2014.

- Các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường thường xuyên duy trì, cải tiến và vận hành có hiệu quả tại các đơn vị đang áp dụng. Được Tổng cục đo lường chất lượng - Trung tâm Quacert đánh giá chứng nhận trong tháng 9/2014 và có giá trị đến hết tháng 9/2017.

II-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014:

Căn cứ nghị quyết HĐQT Công ty CP cao su Thống Nhất phiên họp ngày 14/7/2014 V/v điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Nghị quyết được 100% thành viên dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận thông qua.

1-Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao su :

1.1.Diện tích cây cao su :

*Tổng diện tích vườn cây : 2.073,05 ha :

- Diện tích cao su khai thác : 1.272,97 ha Trong đó: NTCS Phong Phú : 264,13 ha và NTCS Hòa Bình 2 : 1.008,84 ha (trong số diện tích 1.008,84 ha do thiếu lao động nên NT chỉ đưa vào cạo thu hoạch mũ 837 ha)

- Diện tích chăm sóc cao su KTCB : 695,06 ha Trong đó : NTCS Phong Phú : 180,11 ha và NTCS Hòa Bình 2 : 514,95 ha)

- Diện tích cao su tái canh : 102,97 ha (NTCS Hòa Bình 2 : 102,97 ha)

- Diện tích vườn ươm bầu cắt ngọn : 1,25 ha

+Thời điểm xuất vườn : Tháng 6,7

+Cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn : 100.515 bầu cắt ngọn. Trong đó: đã xuất vườn 65.489 bầu và còn tại vườn 35.026 bầu, tiếp tục chăm sóc làm bầu 3 tầng lá để trồng tái canh vào năm 2015.

- Diện tích vườn nhân gỗ ghép : 0,80 ha

+Thời gian cung cấp gỗ ghép : Tháng 4,5,6,7

+Đảm bảo cung cấp đủ gỗ ghép cho vườn ươm

1.2.Sản lượng khai thác mũ :

* Tổng sản lượng mũ quy khô : 1.322,983 tấn, đạt 109,34% (KH điều chỉnh 1.210 tấn)

Trong đó :

-NTCS Hòa Bình 2 : 913,153 tấn, đạt 107,4 % KH (850 tấn)

-NTCS Phong Phú : 409,830 tấn, đạt 113,8% KH (360 tấn)

(So với năm 2013, sản lượng tăng 52 tấn)

1.3.Năng suất vườn cây : (bình quân 1.201,5 kg/ha), trong đó :

-NTCS Hòa Bình 2 : 1.091 kg/ha

-NTCS Phong Phú : 1.551,6 kg/ha

(kèm theo phụ lục)

1.4.Lỗi phạm kỹ thuật bình quân năm 2014:

- NTCS Hòa Bình 2 :

+ Vườn cây nhóm I : 0,93 lỗi/CN/tháng

+Vườn cây nhóm II : 0,97 lỗi/CN/tháng



- NTCS Phong Phú :

+ Vườn cây nhóm I : 0,60 lổi/CN/tháng

+Vườn cây nhóm II : 1,94 lổi/CN/tháng

*Cả 02 Nông trường đều đạt mục tiêu chất lượng đề ra.

1.5-Chế biến cao su :

* Tổng sản lượng mù chế biến 1746,05 tấn, đạt 121,25% KH năm.

Bao gồm :

- Cao su SVR3L: 1.247,63 tấn, đạt 113,64% KH năm (trong đó gia công: 389,06 tấn)

- Cao su RSS : 498,42 tấn, đạt 123,07% KH năm (trong đó gia công: 80,80 tấn)

Cả 2 Nhà máy đều đạt MTCL đề ra : Nhà máy chế biến cao su Bàu Non đạt 100% SVR3L và Nhà máy chế biến cao su Phong Phú đạt 99% RSS1-3.

1.6-Tiêu thụ cao su : Tổng sản lượng 1.245,69 tấn sản phẩm, trong đó :

- Cao su SVR-3L : 863 tấn

- Cao su RSS1-3 : 382,69 tấn

- Mủ tạp : 133 tấn

Giá bán bình quân : 36 triệu đồng/tấn SVR-3L, 34 triệu đồng/tấn RSS và 13 triệu đồng/tấn mủ tạp.

1.7 Sản phẩm tồn kho cuối kỳ (31/12/2014):

- Cao su SVR-3L: 1.156,82 tấn, trong đó chế biến: 704,74 tấn và gia công 452,08 tấn

- Cao su RSS1-3 : 231,49 tấn, trong đó chế biến: 153,89 tấn và gia công 77,60 tấn

- Mủ tạp : 50,79 tấn

2- Gia công điều nhân :

-Gia công : 2.788,62 tấn nguyên liệu

3-Thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 98.770 triệu đồng, đạt 105,9 % (KH điều chỉnh 93.279 triệu đồng)

- Lợi nhuận trước thuế: 21.160 triệu đồng, đạt 141,1 % (KH điều chỉnh 15.000 triệu đồng)

- Nộp Ngân sách : 9.280 triệu đồng, đạt 185,6 % (KH điều chỉnh 5.000 triệu đồng)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu : 21,42 %

4- Các khoản đầu tư lớn trong năm :

Vốn đầu tư XD CB theo kế hoạch năm 2014: 13.645,36 triệu đồng.

Trong năm 2014, Công Ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên về đầu tư XD CB với tổng kinh phí 11.999,6 triệu đồng, đạt 87.94 % KH (Chi tiết xem phụ lục 01) trong đó:

- Trồng tái canh 102,97 ha cao su và chăm sóc 695,06 ha cao su kiến thiết cơ bản tại 02 Nông trường với tổng chi phí : 8.255,476 triệu đồng.

- Các công trình xây dựng và đầu tư khác: 3.744,124 triệu đồng.

Một số công trình XD CB nằm trong kế hoạch năm 2014 chưa hoàn thành, chuyển sang năm 2015.

5-Lao động, tiền lương và thu nhập của người lao động:

Tổng số lao động có mặt cuối kỳ (31/12/2014): 591 người, trong đó lao động trực tiếp sản xuất 502 người, đạt tỷ lệ 85 %

- Tổng quỹ lương và thưởng: 38.501,250 triệu đồng.
 - Lương bình quân: 4.473.810 đồng/người/tháng.
 - Thu nhập bình quân: 4.704.460 đồng/người/tháng.
- Trong đó: trồng, khai thác, chế biến cao su:
- + Quỹ lương và thưởng: 32.207,383 triệu đồng
 - + Thu nhập bình quân: 4.853.433 đồng/người/tháng

6- Những biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đào tạo bồi dưỡng tay nghề cho Người lao động.

6.1- An toàn vệ sinh lao động:

- Kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị, dụng cụ PCCC. Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy tại các Nhà máy, Xí nghiệp chế biến, các Nông trường như: làm đường ngăn lửa chung quanh nhà máy, vườn cây cao su, trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, quét lá, dọn dẹp vệ sinh, tổ chức trực gác lửa trong suốt mùa khô.

- Kiểm định thiết bị theo đúng quy định yêu cầu nghiêm ngặt ATLĐ.

- Đặt các biển báo, nội quy ATVSLĐ tại nơi làm việc, sản xuất.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho Người lao động đúng quy định, tiêu chuẩn theo ngành nghề.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, đo môi trường làm việc, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật...

- Tuyên truyền, huấn luyện về Bảo hộ lao động, ATVSLĐ và PCCC cho người lao động. Tổ chức diễn tập phòng chống cháy theo quy định của pháp luật.

6.2- Bồi dưỡng tay nghề cho Người lao động.

Hàng năm các Nông trường đều có triển khai thực hiện công tác đào tạo tay nghề, kỹ thuật cho công nhân tuyển mới; bồi dưỡng, đào tạo nâng cao cho công nhân xếp hạng trung bình, yếu của năm trước.

7- Công tác bảo vệ môi trường:

Năm qua Công ty luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường. Được thanh tra Bộ Tài nguyên Môi trường xác nhận là đơn vị thực hiện tốt các quy định pháp luật về tài nguyên nước, nhất là trong công tác khai thác nước ngầm và xả nước thải.

Thực hiện báo cáo giám sát môi trường 02 lần/năm cho 03 đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty. Các chỉ tiêu phân tích môi trường đều nằm trong quy chuẩn cho phép.

Các đoàn kiểm tra Tài nguyên - Môi trường của huyện Châu Đức, Xuyên Mộc đến kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại 02 Nhà máy chế biến Cao su.

Qua kết luận của các Đoàn kiểm tra thì công tác bảo vệ môi trường trong năm 2014 của Công ty thực hiện tốt. Tuy nhiên cần lưu ý khắc phục các vấn đề sau:

- Chỉ tiêu nước thải sau xử lý như BOD, COD có lúc vượt nhẹ. Đề nghị 02 nhà máy chế biến cao su cố gắng điều chỉnh, vận hành hệ thống đạt QCVN 01:2008, nước thải sau xử lý cột B.

- Có tổ chức, phân loại và thu gom rác thải nguy hại, nhưng nhân viên phụ trách phân loại có khi còn lẫn lộn với các chất thải khác và sắp xếp chưa đúng quy định...

- Việc ghi chép sổ sách theo dõi vận hành hệ thống Xử lý nước thải phải đầy đủ thông tin yêu cầu theo biểu mẫu.

Định kỳ hàng quý Công ty thực hiện kê khai và đóng phí chất thải rắn, chất thải thông thường, phí nước thải công nghiệp đầy đủ. Thực hiện kê khai và đóng thuế tài nguyên nước đầy đủ theo quy định.

Định kỳ 6 tháng một lần thực hiện báo cáo đầy đủ về: tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước ngầm; xả thải; báo cáo an toàn hóa chất; báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở tài nguyên Môi trường, Chi cục Bảo vệ Môi trường Tỉnh. Phòng Tài nguyên Môi trường các Huyện, Thành phố .

Hiện tại Phòng Kỹ thuật - Đầu tư & Quản lý đất đai đang liên hệ:

- Chi cục Bảo vệ môi trường xin cấp lại sổ chủ nguồn thải.
- Sở Tài nguyên - Môi trường xin cấp mới giấy phép khai thác nước ngầm và xả thải.
- Đơn vị chức năng lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho 02 Nhà máy chế biến Cao su để đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu luật định.

8-Quản lý đất đai :

- UBND Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã có Văn bản số 2466/UBND-VP ngày 18/4/2014 gửi các Sở ngành của Tỉnh về việc xem xét việc xác nhận diện tích vườn cây cao su XDCCB từ năm 2007-2013 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất để được miễn giảm tiền thuê đất.

- Theo biên bản họp thống nhất với các Sở ngành của Tỉnh, Công ty đã hợp đồng thực hiện việc trích đo, lập bản đồ địa chính khu đất theo tỷ lệ quy định cho các thửa đất nông nghiệp trồng cây cao su đang sử dụng trên địa bàn huyện Xuyên Mộc, Châu Đức, Thành phố Bà Rịa. Cơ quan Tài nguyên Môi trường Tỉnh đã xác định thông tin địa chính như: Khu vực, vị trí, diện tích... Sở Tài chính xác định đơn giá thuê đất đối với diện tích vườn cây trong thời kỳ XDCCB của Công ty (năm 2006-2014). Hiện nay đang chờ quyết định của Cục thuế tỉnh BR-VT sau khi xem xét tính miễn giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành.

9- Công tác thi đua khen thưởng:

a- Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty đã họp xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở cho 22 cá nhân. Khen thưởng Cấp Công ty có 09 tập thể Lao động tiên tiến và 54 cá nhân được tặng giấy khen. Tổng số CBCNV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hạng A là 510 người, chiếm tỷ lệ 86,44%.

b- Gửi hồ sơ đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh xét khen thưởng và công nhận các danh hiệu như sau:

- Về tập thể:

- + Huân chương lao động hạng II: 01 đơn vị (Công ty cổ phần cao su Thống Nhất)
- + Tập thể lao động xuất sắc Cấp Tỉnh: 03 đơn vị.
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 01 đơn vị.
- + Bằng khen của UBND Tỉnh: 02 đơn vị

- Về cá nhân:

- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 02 cá nhân.
- + Chiến sĩ thi đua Cấp Tỉnh: 02 cá nhân.
- + Bằng khen của UBND Tỉnh: 04 cá nhân.

c- Ban Tổng Giám đốc đã có báo cáo gửi HĐQT Công ty V/v đánh giá giám sát cán bộ quản lý cấp cơ sở năm 2014 đối với các Trường phòng Công ty, Giám đốc Nông trường, Xí nghiệp và Quản đốc Nhà máy.

10 - Thành tích của Công ty:

- Thủ tướng Chính phủ tặng giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2014 theo Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 10/3/2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2014 với nhiều khó khăn về tình hình tiêu thụ cao su, giá cả. Giá bán giảm sâu dưới giá thành sản xuất. Thời tiết có ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng do nắng hạn kéo dài, bệnh lá vườn cây đang khai thác ngày càng nhiều.

Bên cạnh đó là thiếu lao động cạo mủ tại NTCS Hòa Bình 2 phải bỏ trống diện tích không cạo lấy mủ; tổ chức sản xuất thay đổi: cạo chế độ d/4 thay cho d/3. Doanh nghiệp còn phải đứng trước những khó khăn do cơ chế tiền lương, tiền thuê đất không phù hợp; những bất cập của Luật Lao động, Luật BHXH liên quan đến việc giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động dẫn đến công nhân làm đơn xin nghỉ việc với số lượng nhiều, doanh nghiệp phải chi trả tiền trợ cấp thôi việc, tuyển dụng lao động mới không đủ thay thế công nhân xin nghỉ việc ngày càng gia tăng.

Tuy nhiên cũng có thuận lợi là mùa mưa năm nay thường mưa vào chiều tối nên không bị thất thu mủ như các năm trước. Việc đảm bảo đơn giá tiền lương sản phẩm cho người lao động mặc dù giá bán thấp đã động viên khuyến khích công nhân cạo mủ thi đua lao động sản xuất nhất là vào mùa gia tăng cuối năm

Đảng ủy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã kêu gọi, vận động các tổ chức đoàn thể, Người lao động trong toàn Công ty đồng lòng, chung sức quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, cùng nhau đoàn kết, nỗ lực phấn đấu cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ năm 2014.

PHẦN THỨ II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2015

- Dự cung trong 3 năm liên tiếp từ 2012-2014 khoảng 1,4 triệu tấn làm tồn kho cao su trên toàn cầu vào cuối năm 2014 tăng lên khoảng 3 triệu tấn, tạo áp lực giữ giá cao su ở mức thấp trong năm 2015 và có thể kéo dài cho đến khi nhu cầu tăng theo đà phát triển kinh tế và nguồn cung được kiểm chế tăng chậm để cân đối với nhu cầu. Sự cạnh tranh giữa các nước sản xuất cao su thiên nhiên không chỉ về giá, chất lượng mà còn cả chủng loại nguyên liệu thích hợp.

- Do đó năm 2015 sẽ là năm mà có thể ngành cao su đứng trước những khó khăn., thách thức về tiêu thụ cao su tăng trưởng chậm và giá cao su chưa thể hồi phục trở lại.

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Hiệp hội cao su Việt Nam, các đơn vị trực thuộc cần tập trung nâng cao hiệu quả trên cơ sở tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí bằng cách: giảm phân bón, chậm mở miệng cạo cho vườn cây hết thời kỳ XDCB chuyển sang kinh doanh, thay đổi chế độ cạo từ d/3 sang d/4 khi thiếu lao động, cắt giảm một số chi phí chưa thực sự cần thiết trong tái canh trồng mới, chăm sóc vườn cây XDCB và thanh lý vườn cây già, vườn cây năng suất thấp không hiệu quả để có được thu



nhập bổ sung từ việc bán cây cao su và trồng mới các giống cây có năng suất cao để tăng khả năng chống chịu với biến động về giá trong chu kỳ sau.

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Sản xuất cao su :

- * Tổng diện tích vườn cây: 2.073,30 ha. Trong đó:
 - Diện tích vườn cây khai thác : 835,69 ha,(40,3%). Trong đó:
 - +NTCS Hoà Bình 2: 571,56 ha (giảm 475,52 ha).
 - + NTCS Phong Phú: 264,13 ha
 - Trồng tái canh : 475,52ha (NTHB2)(23%)
 - Chăm sóc cao su KTCB : 759,79 ha(36,7%). Trong đó:
 - + NTCS Hoà Bình 2: 579,68 ha
 - + NTCS Phong Phú: 180,11ha.
 - Chăm sóc vườn ương : 1,5 ha
 - Chăm sóc vườn nhân : 0,8 ha
 - Lỗi phạm kỹ thuật bình quân của 01 CN cạo mủ (xếp hạng giới):
 - + Vườn cây cạo ngứa :
 - NTCS Phong Phú: 0,6 lỗi/CN/tháng.
 - NTCS Hòa Bình 2: 0,9 lỗi CN/tháng
 - + Vườn cây cạo úp và ngứa :
 - NTCS Phong Phú: 1,8 lỗi/CN/tháng.
 - NTCS Hòa Bình 2: 0,9 lỗi CN/tháng
- * *Chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2015:*
 - Tổng sản lượng:1.121 tấn. trong đó:
 - + NTCS Hoà Bình 2: 704 tấn
 - + NTCS Phong Phú: 417 tấn
 - Số lượng mủ cao su chế biến: 1.075 tấn, trong đó:
 - + Nhà máy chế biến cao su Bàu Non: 665 tấn SVR, trong đó SVR-3L đạt 99% và gia công 400 tấn.
 - + Nhà máy chế biến cao su Phong Phú: 410 tấn RSS, trong đó mủ RSS1 đạt 85% và gia công 250 tấn.

2.Chế biến hạt điều :

2.1 Thu mua chế biến, kinh doanh:1.000 tấn nguyên liệu, lợi nhuận ròng: 900 triệu đồng

2.2 Gia công 2.120 tấn nguyên liệu nhằm tạo việc làm ổn định cho người lao động.

4. Các chỉ tiêu tài chính :

- Doanh thu: 105 tỷ đồng
- Nộp ngân sách : 8,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 3,8 tỷ đồng.

Xây dựng kế hoạch dựa vào giá bán mủ cao su dự kiến cho năm 2015 là 31 triệu đồng/tấn. (Có tham khảo giá của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam).

5. Tiền lương, tiền thưởng :

Thực hiện theo quy chế của Công ty áp dụng năm 2015

II/ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2015:

- Vốn đầu tư xây dựng trong năm 2015 với tổng mức đầu tư là 29.944, triệu đồng, trong đó:

- + Các công trình chuyển tiếp trong năm 2014 : 1.170, triệu đồng.
- + Các công trình đầu tư mới trong năm 2015 : 28.774, triệu đồng.
- (Phần vốn đầu tư trồng tái canh và chăm sóc vườn cây cao su: 26.102, triệu đồng)
- Nguồn vốn : Vốn của doanh nghiệp.
- (Chi tiết xem phụ lục 02).

MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU :

1-Phòng Kỹ thuật-Đầu tư và QLDD cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất cao su: áp dụng kỹ thuật sản xuất cây giống, chăm sóc vườn cây XDCB, chế độ cạo mù cao su theo hướng giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất cụ thể đối với từng Nông trường.

2-Lập kế hoạch và cung cấp sớm vật tư, phân bón, hóa chất ... năm 2015 cho 2 Nông trường và Nhà máy chế biến cao su.

3- Tham khảo các công ty trong ngành về việc bón phân đối với vườn cây cao su khai thác và XDCB trong điều kiện giá bán cao su vẫn ở mức thấp hơn giá thành. Kết hợp giữa phân bón vô cơ với hữu cơ vi sinh để nâng cao hàm lượng chất hữu cơ, giúp gia tăng mức độ hấp thu chất dinh dưỡng cho cây.Vườn cây cao su cạo tận thu thanh lý, tái canh năm 2016 không bón phân.

4- Tiếp tục thực hiện biện pháp kiểm soát độ DRC hàng ngày của 2 Nông trường, kiểm soát chặt chẽ sử dụng chất kích thích mù cho phù hợp với từng vườn cây, giống cây, năm khai thác. Đề ra biện pháp cách thức kiểm soát chất kích thích mù công nhân mua ngoài sử dụng để có biện pháp ngăn chặn triệt để.

5-Chuẩn bị điều kiện tốt nhất, theo dõi sát tình hình vườn cây, thường xuyên kiểm tra phát hiện các bệnh hại kịp thời để phun thuốc phòng trị nhằm hạn chế không để lây lan ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng, đến sinh trưởng, phát triển cây cao su, rút ngắn thời gian chăm sóc XDCB.

6-Các Nông trường cần quan tâm hơn nữa việc triển khai các biện pháp tận thu tốt sản phẩm vườn cây (thu mù chén để qua đêm, mù tạt, mù dây).Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ chống mất cắp mù, góp phần đáng kể trong việc thực hiện kế hoạch sản lượng hàng năm.

7-Đẩy mạnh hoạt động gia công mù cao su tiểu điền năm 2015, Bộ phận kinh doanh và 02 Nhà máy làm tốt công tác này vừa góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận, tận dụng tối đa công suất, chi phí khấu hao tài sản, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động.

8-Tiếp tục đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí một cách thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, phòng ban Công Ty để hạ giá thành , đảm bảo hiệu quả SXKD trong điều kiện giá cao su đang ở mức rất thấp.

9-Về lao động cạo mù tại NTCS Phong Phú : Ngay từ đầu năm có thông báo tuyển dụng, đào tạo kỹ thuật khai thác mù để tránh tình trạng thiếu lao động như NTCS Hòa Bình 2 các năm vừa qua.Trên cơ sở cân đối lao động cạo mù để bố trí sắp xếp cạo d/4 ở một số diện tích trong trường hợp thiếu công nhân cạo.



-Chú trọng đến diện tích cạo tận thu thanh lý và cặn thanh lý để có giải pháp khai thác triệt để, hợp lý và hiệu quả tiềm năng sản lượng vườn cây. Kết hợp với việc trả lương, thưởng đúng với công sức, thời gian, công việc nặng nhọc đối với công nhân cạo vườn cây này.

10-Các Nông trường tiếp tục áp dụng qui chế kiểm tra kỹ thuật của Công Ty ban hành để xây dựng phương án trả lương, thưởng cho phù hợp. Phương án trả lương chỉ được áp dụng sau khi Công Ty thông qua và phê duyệt.

11-Công tác trồng mới, tái canh trên diện tích thanh lý tại NTCS Hòa Bình 2 đúng thời vụ, thời hạn đến 31/7/2015 hoàn thành. Thực hiện việc chăm sóc vườn cây XDCB đúng qui trình kỹ thuật, đạt mục tiêu chất lượng năm 2015 là vào thời điểm cuối năm tỷ lệ cây ghép sống đạt trên 98% và trên 80% cây có 4 tầng lá trở lên.

12-Đối với vườn cây XDCB cần lưu ý hữu cơ hóa vườn cây, tăng cường trồng thảm phủ để giữ ẩm, chống khô hạn, tăng độ phì của đất, chống xói mòn và rửa trôi. Các Nông trường cần tính toán lao động, chăm sóc vườn cây XDCB hợp lý, có thể giao khoán diện tích để tăng thu nhập cho người lao động .

13-Chế biến cao su :

-Trước tình hình kinh tế khó khăn về tiêu thụ sản phẩm cao su, hàng tồn kho có thể phải để lâu với số lượng nhiều. Do đó các Nhà máy phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, kho phải thông thoáng sắp xếp ngăn nắp. Tuyệt đối không để sản phẩm bị biến dạng, mốc, xuống cấp.

-Lãnh đạo đơn vị và nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phải kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, vận hành tốt, nước thải ra môi trường đạt loại B.

14-Chế biến hạt điều : Theo sát diễn biến của thị trường để triển khai có hiệu quả phương án kinh doanh năm 2015, ưu tiên cho phương án thu mua, chế biến, kinh doanh nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận , gia công chỉ là giải pháp nhằm tạo thêm và duy trì việc làm thường xuyên cho người lao động.

15-Các hệ thống quản lý :

Yêu cầu lãnh đạo các đơn vị, các phòng nghiệp vụ và các cán bộ phụ trách cần quan tâm, cập nhật, xem xét Sổ tay chất lượng, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Riêng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 thì 02 Nhà máy chế biến cao su cần đặt mục tiêu năm 2015 một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với hoạt động quản lý SXKD của từng đơn vị, thực sự mang đến những giá trị thiết thực về môi trường trong thời gian tới để duy trì các Hệ thống quản lý của Công Ty. Tổ chức đào tạo nhận thức và áp dụng HTQLCL để nâng cao năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp.

16-Ban Thanh tra bảo vệ, Giám đốc.Nông trường phối hợp chặt chẽ với Công an các huyện, xã và chính quyền địa phương lập kế hoạch liên tịch năm 2015, cụ thể từng nhiệm vụ bổ sung kế hoạch 190 của Công Ty về công tác bảo vệ vườn cây, sản phẩm mủ cao su và giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn .

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- Tổng tài sản cuối kỳ giảm so với đầu kỳ là 15,46 tỷ đồng: Nguyên nhân chủ yếu là do:
 - + Tài sản ngắn hạn giảm 14,33 tỷ đồng: do giá trị hàng tồn kho giảm 4,29 tỷ đồng; giảm các khoản phải thu 17,14 tỷ đồng; Tăng các khoản tiền và tương đương tiền 4,64 tỷ đồng, tăng tài sản ngắn hạn 2,46 tỷ đồng.
 - + Tài sản dài hạn giảm 1,13 tỷ đồng: tài sản cố định hữu hình giảm 7,02 tỷ đồng; tài sản vô hình tăng 0,34 tỷ đồng; Chi phí XDCB dở dang tăng 5,67 tỷ đồng.
- Hiệu quả sử dụng tài sản: Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2014 là : 5,26% so với năm 2013 là 9,83% tương ứng với tỷ lệ giảm là 46,5%. Nguyên nhân là do lợi nhuận giảm.(Phân tích lợi nhuận giảm nêu trên).
- Về tình hình nợ xấu:
 - + Khoản nợ 4.737.000.000,VNĐ phát sinh từ năm 2006 của DNTN Phát Hưng khoản nợ này công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi
 - + Khoản nợ các Đại lý cám của Nhà Máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Hưng Long là : 2.030.790.849,đồng (Đây là khoản nợ gói đầu trong suốt thời gian dài làm đại lý cho nhà máy. Do tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, các đại lý này không đòi được tiền đã bán cám cho các hộ chăn nuôi do các hộ này không có tiền trả vì gia súc, gia cầm bị dịch bệnh.) trong đó công ty đánh giá khả năng thu hồi và lập dự phòng phải thu khó đòi là 165.683.349 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả cuối kỳ là 30,9 tỷ đồng giảm 0,95 tỷ đồng so với đầu kỳ. Các khoản nợ của công ty chủ yếu là khoản chi phí trích trước tiền thuê đất và tiền lương phải trả người lao động... Công ty không có các khoản vay nợ bên ngoài.

- *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Về cơ cấu tổ chức : Hướng dần đến một cơ cấu tổ chức tinh gọn

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đối với sản phẩm cao su : Tiếp tục duy trì khách hàng truyền thống, khi quy mô sản xuất được mở rộng như dự định sẽ nghiên cứu phát triển sang thị trường Mỹ, Nhật thông qua Hiệp Hội Cao su Việt Nam. Mục tiêu đặt ra là : Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm nông sản năm sau cao hơn năm trước 8%. Năng suất vườn cây trên 1,8 tấn /ha. Tỷ lệ sản phẩm cao su sơ chế loại RSS1 98%, sản phẩm SVR3L 99%. Đòi sống người lao động trong

công ty ngày càng được ổn định và nâng cao hơn năm trước bằng đề án cải tạo và chăm sóc vườn cây.

- Đối với sản phẩm nông sản: Mở rộng thị trường nguyên liệu lên phía vùng cao nguyên trung phần; Kiểm soát hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi nếu không hiệu quả có thể tạm ngưng sản xuất ...

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-** (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. **Đánh giá giám sát cán bộ quản lý:**

1. GIÁM ĐỐC NTCS HÒA BÌNH 2:

1.1. Những điểm cần phát huy :

Trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất của Nông trường có những điểm nổi bật, đó là :

- Tuy có khó khăn về điện phục vụ công tác tưới tiêu, vườn ươm phải tranh thủ tưới vào ban đêm do ban ngày nguồn điện cung cấp yếu. Công tác tái canh trồng mới nhận bàn giao mặt bằng trễ thời gian nhưng Nông trường đã có chỉ đạo, điều hành và tổ chức sản xuất hợp lý nên đạt yêu cầu về kỹ thuật, trồng mới hoàn thành vào ngày 31/7/2014 về trước kế hoạch 15 ngày. Chăm sóc vườn cây XDCB tốt, cây cao su sinh trưởng và phát triển tương đối đồng đều.

- Vườn cây cao su khai thác thực hiện đúng qui trình kỹ thuật, lỗi phạm kỹ thuật bình quân của công nhân thấp hơn năm 2013, cụ thể:

+ Vườn cây nhóm I giảm bình quân 0,89 lỗi/CN/tháng

+ Vườn cây nhóm II giảm bình quân 1,56 lỗi/CN/tháng

- Đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc trong việc nâng cao năng suất vườn cây, năng xuất lao động, tăng độ DRC so với các năm trước. Kết quả đạt được là:

+ Năng xuất vườn cây tăng 246,7 kg/ha, tỷ lệ tăng 29,2%

+ Năng xuất lao động tăng 1.023,4 kg/người/năm, tỷ lệ tăng 21,9%

+ Độ DRC tăng bình quân 2,27 độ.

- Chú trọng công tác quản lý, kiểm tra, sử dụng đất đai; trong năm không còn tình trạng dân lấn chiếm đất.

- Không có người lao động vi phạm nội qui, kỷ luật của đơn vị phải đưa ra hội đồng kỷ luật xem xét.

- Thực hiện kế hoạch giữ mù tại vườn cây qua đêm có hiệu quả, sản lượng mù tạt gia tăng đáng kể.

1.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Đã qua 02 năm chưa tổ chức được việc thành lập nhóm tự quản trong các tổ khai thác mù. Chưa chỉ đạo công nhân tận thu, giao nộp mù dây.

- Tình trạng công nhân tự mua và bôi lén chất kích thích mù cây cao su vẫn còn.

- Vào đầu vụ khai thác mù công nhân cạo mù xin nghỉ việc, bỏ việc với số lượng nhiều làm ảnh hưởng đến việc bố trí lao động vườn cây khai thác, bên cạnh đó là việc phải tuyển dụng, đào tạo tay nghề lao động mới để thay thế. Vấn đề này tồn tại nhiều năm nay nhưng vẫn chưa khắc phục được, đây là hạn chế lớn nhất mà năm 2015 nông trường phải có biện pháp tích cực để giải quyết.

2. GIÁM ĐỐC NTCS PHONG PHÚ:

2.1. Những điểm cần phát huy :

- Công tác chăm sóc vườn cây cao su XDCB đúng qui trình kỹ thuật; chỉ tiêu vanh thân trung bình từ năm thứ 2 đến năm thứ 6 đều vượt qui định về tiêu chuẩn của ngành.

- Kỹ thuật khai thác mù của công nhân khá tốt, lỗi phạm kỹ thuật bình quân của công nhân thấp hơn so với năm 2013, nhóm 1: 0,60 lỗi/CN/tháng; nhóm 2: 1,94 lỗi/CN/tháng, lao động cạo mù khá ổn định trong suốt cả năm.

- Đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc trong việc nâng cao năng suất vườn cây, năng suất lao động, tăng độ DRC so với các năm trước. Kết quả đạt được là:

+ Năng suất vườn cây tăng 255,2 kg/ha, tỷ lệ tăng 19,7%

+ Năng suất lao động tăng 1.164,5 kg/người/năm, tỷ lệ tăng 26,3%

+ Độ DRC tăng bình quân 1,14 độ.

- Việc triển khai thực hiện nhóm tự quản trong từng tổ cạo mù hoạt động có hiệu quả, vừa nâng cao được năng suất lao động, vừa quản lý vườn cây và sản phẩm tốt mà điển hình là tỷ lệ giao nộp mù tạt cao, biện pháp tận thu mù dây đạt kết quả khả quan trong 3 năm gần đây.

- Công tác bảo vệ vườn cây, sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, quan hệ phối hợp rất tốt với chính quyền địa phương và Quản đốc Nhà máy chế biến cao su, đảm bảo tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2.2. Những hạn chế cần khắc phục :

-Trên vườn cây XDCB tình trạng gia súc (bò, dê) vào lô cao su mỗi ngày, gây hư hại cây cao su mà chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để, chưa qui định rõ trách nhiệm đối với nhân viên bảo vệ vườn cây.

- Do đặc thù của Nông trường, vườn cây cao su giáp ranh với đất, rẫy của người dân các xã Đá Bạc, Nghĩa Thành, Long Phước, Hòa Long cần thường xuyên kiểm tra để phát hiện và ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất.

3. QUẢN ĐỐC NM CHẾ BIẾN CAO SU BÀU NON :

3.1-Những điểm cần phát huy :

-Tuân thủ đúng quy trình chế biến mủ cao su SVR.

- Sản phẩm cao su SVR-3L của Nhà máy đạt 100%, không có sản phẩm bị rớt hạng SVR5. Kiểm phẩm định kỳ 3 lần/năm đều đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2004.

- Đánh giá giám sát định kỳ hàng năm của các tổ chức chứng nhận HTQL chất lượng, môi trường không có điểm không phù hợp 1,2. Nước thải ra môi trường đạt loại B.

- Công tác tiếp nhận mủ nguyên liệu, xác định hàm lượng chất khô (DRC) của khách hàng nội bộ và bên ngoài khách quan, trung thực, chính xác. Không có phản ảnh sự không hài lòng từ phía khách hàng hợp đồng gia công mủ.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCN, khuôn viên văn phòng, nhà xưởng, kho sạch, đẹp, an toàn .

3.2-Những hạn chế cần khắc phục :

- Quản đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Ban TGD Công Ty trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của đơn vị nên thường xuyên có mặt tại nhà máy để kịp thời xử lý các vấn đề có liên quan như : giao nhận mủ, kiểm soát qui trình chế biến, công tác an ninh, bảo vệ, các công việc nghiệp vụ phát sinh nhất là những ngày cuối tuần (thứ 7, Chủ nhật).

- Năm qua có 02 khách hàng mua mủ cao su SVR3L phản ảnh sự không hài lòng về màu sắc. Mủ tồn kho từ 3 tháng trở lên đã có sự chuyển màu (màu vàng sậm phân bố không đều trên bành mủ). Năm 2015 và các năm tiếp theo tình hình tiêu thụ cao su sẽ rất khó khăn về thị trường và giá bán, do đó Nhà máy tổ chức thực hiện việc nhận nguyên liệu mủ nước gia công chế biến riêng, không hòa chung với mủ của Nông trường. Nhãn hàng hóa có dấu “ Hàng gia công” để có sự phân biệt và kiểm tra chất lượng với hàng sản xuất từ nguyên liệu của Nông trường.

- Tăng cường biện pháp bảo vệ tài sản, sản phẩm của Nhà máy, không để mất cắp, thất thoát nhất là vào ban đêm và ngoài giờ sản xuất.Các cao điểm Lễ, Tết phân công lực

lượng tự vệ tham gia trực sẵn sàng chiến đấu theo lệnh của Thủ trưởng, Ban CHQS Huyện, Ban CHQS Công Ty.

4. QUẢN ĐỐC NM CHẾ BIẾN CAO SU PHONG PHÚ:

4.1. Những điểm cần phát huy :

- Sản phẩm cao su tờ RSS của Nhà máy, chất lượng loại 1-3 đạt trên 99%. Trong quá trình sản xuất, Quản đốc Nhà máy có nghiên cứu, đề ra 1 số biện pháp kỹ thuật và đề cao trách nhiệm của công nhân trong từng bộ phận của dây chuyền sản xuất, cần duy trì và tiếp tục phát huy.

- Là một trong những đơn vị thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường khá tốt. Đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại B, khuôn viên văn phòng và Nhà máy sạch sẽ. Thực hiện tốt công tác ATVS lao động và PCCN.

- Phát huy sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật của cán bộ và công nhân tạo sự chuyển biến tích cực và sức lan tỏa mạnh mẽ trong phong trào thi đua của đơn vị và toàn Công Ty.

4.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Quản đốc cần sắp xếp thời gian hợp lý hơn nữa trong việc giải quyết công việc có mặt tại Nhà máy trước giờ sản xuất để điều hành, kiểm tra công tác chế biến. Kiểm tra đột xuất vào ban đêm; chú ý kho sản phẩm, thiết bị tại phân xưởng chế biến, nhiệt độ lò xông sấy mũ.

- Trong khi chưa có tiêu chuẩn Việt Nam: đặc tính kỹ thuật cao su thiên nhiên dạng tờ thì phải tuân thủ tuyệt đối theo đúng qui định phân loại sản phẩm theo phân hạng cao su tờ xông khói (The Green Book-1969).

- Cần quan tâm hơn nữa việc thực hiện VSATLĐ& PCCC, phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác này và bổ sung đầy đủ các bảng chỉ dẫn an toàn nơi sản xuất.

- Tăng cường biện pháp bảo vệ tài sản, sản phẩm của Nhà máy, không để mất cắp, thất thoát nhất là vào ban đêm và ngoài giờ sản xuất. Các cao điểm Lễ, Tết phân công lực lượng tự vệ tham gia trực sẵn sàng chiến đấu theo lệnh của Thủ trưởng, Ban CHQS Huyện, Ban CHQS Công Ty.

5. GIÁM ĐỐC XN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC HƯNG:

5.1. Những điểm cần phát huy :

- Tính năng động trong chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động SXKD của Xi nghiệp, xử lý công việc kịp thời, có hiệu quả.

004
T
I
I
S
N
R
A

- Công tác tổ chức nhân sự tốt, bộ phận nghiệp vụ nắm vững các yêu cầu, qui định liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, kỹ thuật

- Năm 2014, tuy có khó khăn trong sản xuất kinh doanh điều nhân nhưng Giám đốc Xí nghiệp đã có nhiều cố gắng, liên hệ với các công ty bạn để ký hợp đồng gia công, duy trì việc làm ổn định cho công nhân, đồng thời kinh doanh có lợi nhuận.

5.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Cần đặc biệt quan tâm hơn nữa công tác vệ sinh môi trường tại xưởng tách nhân, phải đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động sạch sẽ, thông thoáng, hạn chế bụi, nhiệt độ còn cao để nâng cao năng suất lao động và thu nhập của công nhân.

- Tiếp tục xem xét tài liệu đang áp dụng để có chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nhằm cải tiến hệ thống, cần đưa sản phẩm gia công vào quy định kiểm soát của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Linh động hơn nữa trong thị trường điều thô.

- Thực hiện tốt hơn nữa công tác ATVSLĐ và PCCN, bổ sung các bảng chỉ dẫn an toàn ở các phân xưởng sản xuất, các máy móc thiết bị, lò sấy, kho hàng...

- Quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức hoạt động của các đoàn thể Công đoàn và Đoàn TNCS.

6 .PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÁNH :

6.1. Những điểm cần phát huy :

- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động theo qui định của Bộ Luật Lao động

- Hằng năm có sửa đổi, bổ sung hoàn thiện và ban hành qui chế thi đua-khen thưởng của Công ty. Làm tốt công tác TĐKT trên lĩnh vực Nhà nước và an ninh, quốc phòng tại địa phương.

- Công tác theo dõi BHXH có tiến bộ trong việc cập nhật sổ, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc, nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc khi người lao động có yêu cầu.

- Công tác hành chính - quản trị có nhiều thay đổi, tiến bộ đáp ứng được yêu cầu của Lãnh đạo giao, nhất là công tác quản lý hồ sơ, tài liệu.

- Công tác thanh tra, bảo vệ tiếp tục được phát huy trên cơ sở kế hoạch 190/KH-CT về bảo vệ vườn cây và sản phẩm cao su trên địa bàn các Nông trường.

6.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc :

+ Công tác qui hoạch cán bộ, phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận.
+ Xây dựng qui chế tuyển dụng, đào tạo và tổ chức quản lý lao động hàng năm
+ Trong công tác thống kê, phân loại lao động: chưa cập nhật kịp thời nên không nắm được diễn biến lao động tại các đơn vị trực thuộc trong Công ty.

- Nghiệp vụ về tiền lương còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của Lãnh đạo công ty. Xây dựng phương án lương, trình duyệt đơn giá lương hàng năm còn chậm trễ. Chưa phân tích được sự bất hợp lý về cơ chế trả lương đối với từng đơn vị để tham mưu trong việc điều chỉnh kịp thời.

- Việc liên hệ với Sở Cảnh sát PCCC để tập huấn, huấn luyện công tác phòng cháy, chữa cháy cho đơn vị trực thuộc hàng năm chưa thực hiện được theo yêu cầu của tổ chức chứng nhận các hệ thống quản lý mà Công ty đang áp dụng.

7. PHÒNG KỸ THUẬT CAO SU -ĐẦU TƯ VÀ QLDD:

7.1. Những điểm cần phát huy :

- Năng lực quản lý chuyên môn về kỹ thuật cao su và chế biến nông sản của các kỹ sư đáp ứng được yêu cầu của Công Ty. Có nhiều giải pháp kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất tại các Nông trường mang lại hiệu quả, nhất là triển khai các biện pháp: Kiểm tra kỹ thuật 02 tháng/lần, nâng cao năng suất vườn cây, năng suất lao động để gia tăng sản lượng, nâng độ DRC. Bộ phận kinh doanh trong công tác cung ứng vật tư, phân bón, hóa chất kịp thời cho sản xuất. Xử lý các bệnh hại trên vườn cây có hiệu quả, hạn chế tác hại có ảnh hưởng đến năng suất vườn cây.

- Trong công tác quản lý đất đai đã hoàn thành các thủ tục miễn giảm thuế nông nghiệp đối với vườn cây cao su XDDB từ năm 2006 - 2014.

- Công tác môi trường thực hiện việc giám sát, quản lý tuân thủ theo yêu cầu pháp luật về môi trường.

- Là phòng có chức năng quản lý các hệ thống ISO 9001, ISO 14001 và các lĩnh vực: kỹ thuật cao su, kinh doanh, đầu tư, môi trường và quản lý đất đai. Với khối lượng công việc rất lớn nhưng năm qua cán bộ, kỹ sư của Phòng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc phân công.

7.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Về chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc cần lưu ý một số vấn đề sau :

+ Thường xuyên liên hệ với Ban kỹ thuật của Tập đoàn CSCN Việt Nam và các bộ môn thuộc Viện Nghiên cứu cao su để có những thông tin mới, tiếp cận kịp thời các ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật của ngành trong lĩnh vực cao su..

+ Trưởng phòng phải kiên quyết hơn nữa trong việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong phòng. Thực hiện qui chế phối hợp không làm thay, nhiệm vụ của ai người đó làm.

+ Bộ phận kinh doanh cần có nhiều kênh thông tin, nắm bắt kịp thời về sản lượng sản phẩm, thị trường và giá bán cao su hàng ngày, dự báo trong ngắn hạn để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, PCCN và công tác quản lý môi trường theo định kỳ hàng tháng.

- Là Phòng trung tâm trong hoạt động các Hệ thống quản lý của Công Ty đang áp dụng nên cần có sự phân công cho các cán bộ chuyên môn, quản lý các lĩnh vực trong áp dụng để kiểm tra tất cả các tài liệu liên quan (Qui trình, qui định, biểu mẫu) để có sự cải tiến, chỉnh sửa, thay đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tế để công tác đánh giá nội bộ trên cơ sở tiếp cận qui trình một cách hiệu quả, thiết thực.

8. PHÒNG KẾ TOÁN-TÀI VỤ

8.1. Những điểm cần phát huy :

- Thực hiện tốt vai trò của mình trong công tác tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, tài chính và hoạch định các kế hoạch liên quan đến tài chính;

- Kiểm soát tốt dòng tiền;

- Tham gia tích cực trong việc xây dựng các quy chế, tài liệu liên quan đến quản trị Công ty;

- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kịp thời và đúng hạn;

- Hoàn thành các nghĩa vụ về thuế, BHXH, BHYT;

- Thanh toán các chế độ cho người lao động nhanh, chính xác;

- Thực hành tốt việc tiết kiệm chống lãng phí trong SXKD, XD CB;

9.2. Những hạn chế cần khắc phục :

- Cần có những tư vấn mang tính định hướng cho các đơn vị trực thuộc những vấn đề dự báo trong tương lai gần hoặc những kế hoạch ngắn hạn;

- Bảo lưu ý kiến của mình khi tham gia nghiệm thu nếu xét thấy tổ nghiệm thu có những nhận xét không đúng và không phù hợp với pháp luật hoặc quy chế quản lý tài chính của công ty.

- Trưởng, phó phòng, kế toán chuyên môn phải thường xuyên thực hiện công tác giám sát, sắp xếp công việc chuyên môn để có kế hoạch xuống cơ sở. Vì không chỉ là nhiệm vụ nghiệm thu công trình, công việc thanh toán mà phải kiểm tra, giám sát các hoạt động có liên quan đến chi phí, chất lượng, hiệu quả. Kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

+ *Đối với hoạt động quản trị:*

- Sửa đổi và ban hành các quy chế liên quan đến việc quản trị công ty nhằm tạo nên một phong cách làm việc chuẩn mực và khoa học trong toàn công ty;

+ *Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:* thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch SXKD; Quản lý tốt hơn sản phẩm so với năm 2013 bằng các biện pháp như: Kiểm tra kỹ thuật thường xuyên, tăng cường công tác giữ mù qua đêm; Thực hiện tốt việc tiết kiệm chống lãng phí cụ thể như: Khoanh vùng diện tích bón phân vườn cây, không bón phân vào những diện tích đất trống, bón thủ công xen kẽ bón cơ giới; Thanh lý kịp thời những diện tích cây cao su có mật độ cây thấp dưới 300 cây/ha và năng suất dưới 900 kg/ha/năm nhằm từng bước ổn định vườn cây về năng suất và lao động;

+ *Đối với việc đào tạo và phát triển đội ngũ kế cận:* Tạo mọi điều kiện cho lớp trẻ có đủ năng lực và đạo đức được học tập và tham gia vào các vị trí quản lý cơ sở để dần dần thay thế trong tương lai;

+ *Về gia tăng giá trị tài sản của cổ đông:* Không làm thất thoát vốn và tài sản. Bảo đảm dòng tiền được đưa vào hoạt động kinh doanh phải đem lại lợi nhuận và từ đó làm tăng giá trị tài sản của cổ đông;

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

- Nhìn chung: Tùy từng trách nhiệm được phân công của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tương đối tốt vai trò, nhiệm vụ theo phân công. Tuy nhiên, cần áp dụng triệt để hơn quy chế phân quyền để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Vẫn duy trì định hướng đã đề ra trong năm 2014.

→ **Tài Chính** :

- Giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng nợ bán hàng dây dưa;
- Không đầu tư và những dự án kém hoặc không hiệu quả, không có tính khả thi do thiếu khảo sát mang tính khoa học về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, khí hậu và chính sách pháp luật;
- Sử dụng đòn bẩy tài chính đúng thời điểm và có hiệu quả;
- Hạn chế đến mức thấp nhất các giao dịch và hoạt động SXKD kém hiệu quả có khả năng gây thất thoát vốn công ty;
- Sử dụng quỹ ĐTPT công ty để mua lại cổ phiếu quỹ đúng thời điểm nhằm bảo vệ giá trị tài sản của cổ đông;
- Chấm dứt tình trạng đầu tư ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của công ty.

→ **Quản trị doanh nghiệp**:

+ Phân định rõ và quán triệt vai trò, nhiệm vụ của HĐQT, cổ đông và Ban điều hành để quá trình ra quyết định của mỗi cấp là khoa học, hiệu quả và phục vụ cho mục tiêu lâu phát triển lâu dài của công ty, không chông chéo, can thiệp quá sâu vào chức năng, nhiệm vụ của nhau. Việc phân định này sẽ được thể hiện rõ ràng hơn qua sửa đổi điều lệ, phân cấp phân quyền trong các quyết định đầu tư, nhân sự, tài chính...

+ Xây dựng hệ thống phân cấp, phân quyền trong quản trị, điều hành các hoạt động nhằm tăng tính trách nhiệm của cá nhân đồng thời phát huy được năng lực sáng tạo phục vụ tổ chức;

+ Tạo môi trường tốt để công tác kiểm tra giám sát đi vào thực chất, giúp cho chủ sở hữu, cho các cấp điều hành đi đúng con đường phát triển của công ty;

+ Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành;

→ **Nhân lực** :

+ Tận dụng vị thế mới sau tái cơ cấu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lãnh nghề thông qua tuyển dụng mới và sắp xếp lại.

+ Tìm kiếm cơ hội nhận hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp hoặc hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật trồng mới, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, nông sản từ Tập Đoàn Cao su hoặc Viện Nghiên Cứu Cao su Việt Nam để qua đó có thể nâng cao tay nghề và trình độ cán bộ kỹ thuật, đào tạo tốt hơn qua công việc thực tế.

+ Xây dựng chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Trong môi trường mới phát triển hơn về quy mô nhân sự và quy mô tài chính. Các chính sách nhân sự cần được xây dựng lại để đạt được mục tiêu khuyến khích trên phạm vi rộng, rõ ràng minh bạch và chuẩn mực

→ Quản trị rủi ro:

- Xác định rủi ro có khả năng gây thất thoát vốn của công ty là từ hoạt động đầu tư; Vì vậy, cần phải giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư thông qua tổ chức đấu thầu công khai hoặc lựa chọn phương pháp thuê tài chính;
- Lập dự phòng đối với các khoản nợ kinh doanh đã phát sinh;
- Thực hiện hợp đồng kỳ hạn khi có biến động thị trường xấu.
- Sẵn sàng hợp tác với các tổ chức tư vấn quản trị rủi ro có chuyên môn và kinh nghiệm cao.

→ Công nghệ thông tin:

- Áp dụng phương pháp quản lý hiện đại như sử dụng các phần mềm quản lý vườn cây, đất đai, nhân sự ...
- Đào tạo đội ngũ IT chuyên nghiệp;
- Trang bị phương tiện hiện đại phục vụ cho công tác quản lý bằng công nghệ thông tin.

→ Mô hình tổ chức:

Việc cơ cấu lại mô hình tổ chức sẽ được triển khai dựa trên những nguyên tắc sau:

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thể hiện đầy đủ trong các quy trình, quy chế công ty;
- Hoạt động tiếp thị, bán, phân phối sản phẩm là phân cấp theo chuyên môn và theo các địa bàn, nhưng hoạt động quản lý rủi ro, xử lý tác nghiệp được **tập trung hóa từng bước** phù hợp với trình độ quản lý và nhân sự thực tế. Cơ chế sẽ đạt được sự linh hoạt, nhanh nhạy trong kinh doanh nhưng lại tăng cường được quản lý rủi ro cho cả hệ thống.

- Sáp nhập các đơn vị trực thuộc sản xuất cùng ngành nghề và cùng địa bàn dân cư làm một nhằm tinh gọn bộ máy quản lý;
- Chuyên môn hoá công việc của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được nêu trong quy chế phân quyền;
- Phân quyền cụ thể trong Ban Tổng giám đốc nhằm tăng cường trách nhiệm cá nhân khi tác nghiệp.

→ **Về sản xuất – kinh doanh :**

- Tập trung vào việc cải tạo và nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây cao su hiện có;
- Chỉ phát triển tăng diện tích cao su khi có tính khả thi cao đối với dự án đầu tư trên cơ sở thẩm định tỷ mỉ và khảo sát thực tế; Việc đầu tư phải được minh bạch và công khai về tiến trình đầu tư;
- Nghiên cứu việc phát triển trồng cây ca cao xen canh nhưng phải ưu tiên bảo đảm không ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và quy trình phát triển của vườn cây cao su;
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí nhằm từng bước ổn định giá thành ;
- Đề cao các cá nhân có những giải pháp sáng kiến có đóng góp thiết thực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, qua đó có cơ chế khen thưởng tương xứng nhằm động viên các cá nhân tích cực đóng góp sáng kiến hữu ích cho đơn vị.
- Quan tâm cao đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động nhằm tạo được mối gắn kết bền chặt giữa người lao động và người sử dụng lao động;

VI. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phân loại	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch HĐQT	TVĐH	30%(ĐD SHNN)
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	P.Chủ Tịch HĐQT	TVĐH	21%(ĐD SHNN)
03	Đỗ Khắc Tùng	UV HĐQT	TVĐL	2,08%
04	Nguyễn Văn Thoại	UV HĐQT	Cổ đông lớn	5,19% (ĐD CĐL)
05	Nguyễn Nhật Thành Lâm	UV HĐQT	TVĐL	0.00%

Ghi chú:

→ TVĐL : Thành viên độc lập; TVĐH: Thành viên điều hành.

→ Ông Lê Văn Lợi có nắm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Xuất – Nhập khẩu Nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Baria- Serece) mà Công ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất là cổ đông với tỷ lệ cổ phần là 12%. Tổng số thành viên HĐQT của Baria-Serece là 10(mười) thành viên.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương : Ông Đỗ Khắc Tùng làm Trưởng Tiểu Ban, Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm là thành viên chuyên trách.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

c.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch	05	100%	
02	Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	P. Chủ tịch	05	100%	
03	Nguyễn Văn Thoại	Thành viên	05	100%	
04	Đỗ Khắc Tùng	Thành viên	05	100%	
05	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên	05	100%	
06	Lê Cao Thương	Thành viên	02	40%	Từ nhiệm 11/04/2014

35/ C C C TH 9/A

c.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2014):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	1	25/03/2014	Chấp thuận thông qua báo cáo phân tích khả năng thực hiện KHSXKD và đầu tư năm 2014
	2	25/03/2014	Thông qua việc trình ĐHCĐTN 2014 phê chuẩn tiền lương 2014
	3	25/03/2014	Phê chuẩn chương trình và thời gian dự kiến họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2014.
	4	25/03/2014	Thông qua và trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2014 phê chuẩn danh sách thành viên HĐQT.
	5	25/03/2014	Điều khoản thi hành
02	1	11/04/2014	Chấp thuận Ông Lê Cao Thương xin từ nhiệm thành viên HĐQT.
	2	11/04/2014	Điều khoản thi hành
03	1	16/04/2014	Phê chuẩn việc giao Tổng Giám đốc công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, triển khai kế hoạch SXKD, ĐTXDCB, tiền lương, tiền thưởng năm 2014 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường

			niên 2014.
	2	16/04/2014	Giao cho Tổng Giám đốc công ty ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2014.
	3	16/04/2014	Điều khoản thi hành.
04	1	15/05/2014	Thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành công ty.
	2	15/05/2014	Thông nhất với Ban tự nhận xét đánh giá của Ông Lê Văn Lợi và ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty; Đồng thời đề nghị chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tiếp tục cử ông Lê Văn Lợi và ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường làm người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty theo nhiệm kỳ HĐQT 2011-2015.
	3	15/05/2014	Sáp nhập Phòng Kinh doanh – Môi trường vào Phòng Kỹ thuật cao su, đầu tư và Quản lý đất đai, giữ nguyên tên phòng Kỹ thuật cao su, Đầu tư và Quản lý đất đai đồng thời bổ sung thêm chức năng kinh doanh và quản lý môi trường cho phòng này.
	4	15/05/2014	Thông nhất chấp thuận việc thuê xe phục vụ công tác theo hợp đồng do Tổng Giám đốc đã ký .
	5	15/05/2014	Điều khoản thi hành.
05	1	24/06/2014	Thông nhất với phân tích và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 do ông Lê Như Sinh và Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường trình bày.
	2	24/06/2014	Thông nhất việc cử Ông Lê Văn Lợi tham gia chuyến khảo sát thị trường thương mại Singapore theo thư mời của Tập Đoàn Bunge ngày 18/6/2014.
	3	24/06/2014	Điều khoản thi hành.
06	1	14/07/2014	Trình ĐHCĐTN 2015 điều chỉnh kế hoạch SXKD 2014
	2	14/07/2014	Trình ĐHCĐTN 2015 cho phép triển khai xây dựng phương án lương năm 2014 theo cơ chế năm 2013
	3	14/07/2014	Chấp thuận việc thanh lý 249,38ha cây cao su có mật độ cây đứng dưới 300 cây/ha và năng suất dưới 800kg/ha/năm
	4	14/07/2014	Điều khoản thi hành
07	1	25/09/2014	Phê chuẩn giải pháp điều hành SXKD và thực hiện tiết kiệm chống lãng phí;
	2	25/09/2014	Phê chuẩn phương án tiền lương theo tinh thần nghị quyết phiên họp ngày 14/07/2014;

	3	25/09/2014	Yêu cầu Phòng TC-HC công ty xây dựng quy chế trả lương để triển khai thực hiện trước ngày 31/10/2014;
	4	25/09/2014	Điều khoản thi hành.
08	1	02/12/2014	Phê chuẩn báo cáo ước thực hiện KHSXKD năm 2014;
	2	02/12/2014	Giao cho Tổng Giám đốc công ty thực hiện việc khen thưởng theo Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 23/09/2014 của UBND Tỉnh BRVT;
	3	02/12/2014	Điều khoản thi hành.

d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự và tiền lương đã tham gia vào việc soạn thảo quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động trong công ty..

f) Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập : Tham gia giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
01	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS	0,0005%
02	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	0,0025%
03	Hà Phú Quý	Thành viên BKS	0%

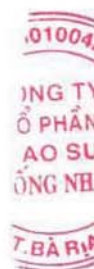
b) Hoạt động của Ban kiểm soát: *(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).*

Trong năm 2014, Ban Kiểm Soát tổ chức 02 cuộc họp vào ngày 27/06/2014 và ngày 30/12/2014 nhằm đánh giá hoạt động giữa kỳ và báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Phụ cấp
01	Lê Văn Lợi	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	443.670.061	95.734.396
02	Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc	281.360.025	
03	Nguyễn Hữu Mạnh Nhuồng	P.Chủ Tịch HĐQT kiêm PTGD	388.784.305	95.734.396



04	Đỗ Khắc Tùng	Thành Viên HĐQT		71.800.797
05	Nguyễn Văn Thoại	Thành Viên HĐQT		71.800.797
06	Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành Viên HĐQT – PP.KT-TV	146.008.760	68.567.396
07	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban KS kiêm GDNTTP	172.530.866	71.800.797
08	Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành Viên BKS	68.340.943	37.089.199
09	Hà Phú Quý	Thành Viên BKS	91.530.550	39.244.799
10	Trần Văn Thành	Trưởng Phòng TCHC	176.367.692	
11	Lê Thị Kim Chi	Phó phòng TCHC	132.792.047	
12	Châu Thanh Danh	Phó Phòng KTĐT&QLDD	146.335.255	
13	Lê Thị Ngọc Lan	Phó Phòng KTĐT&QLDD	98.696.500	
14	Phan Đức Vinh	GĐ XNCBNS Phước Hưng	302.184.928	
15	Vương Quang Khải	QĐ NMCBCS Bàu Non	128.564.339	
16	Vũ Ngọc Thịnh	GĐ NTCS HB2	153.005.934	
17	Lê Thanh Phong	QĐ NMCBCS Bàu Non	87.888.670	
	Tổng cộng		2.818.060.935	551.772.577

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Đỗ Khắc Tùng	TV.HĐQT	0	0%	400.000	2,08%	Mua 400.000 CP
02	Lê Thị Thanh Thanh	Vợ TV.HĐQT	41.100	0,21%	791.100	4,11%	Mua 750.000 CP
03	Cơ sở phân bón hữu cơ Long Khánh	Chủ CS là TV.HĐQT	600.000	3,12%	0	0%	Bán 600.000 CP

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 31/12/2014 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Bán cây cao su gãy đổ; Củi cao su; Dây chuyền chế biến gỗ	363.000.000
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Giám đốc là Thành viên HĐQT	Mua phân hữu cơ vi sinh	146.435.000

Công ty TNHH Lê Danh	Giám đốc là vợ CT.HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	Mua dầu DO	1.434.788.620
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	Cho thuê xe	480.000.000
Châu Thị Hồng Điệp	Vợ CTHĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Xuất chi phí gia công mũ cao su	31.897.950

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VII. Báo cáo tài chính (Kèm phụ lục : BCTC đã kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



Lê Văn Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Lê Cao Thương	Thành viên (từ nhiệm vào ngày 11 tháng 4 năm 2014)
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cũng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông LÊ VĂN LỢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

3376
HI N
IG T
IEM:
BE
TP. HỒ
TP.

Số : TNRUB/014.HCM.2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**NGUYỄN THỊ THANH**

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0428-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204.605.900.018	218.933.694.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	144.159.013.233	139.520.497.552
Tiền	111		33.943.506.384	29.520.497.552
Các khoản tương đương tiền	112		110.215.506.849	110.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130		8.024.840.878	25.165.693.988
Phải thu khách hàng	131	4.3	10.853.448.772	27.060.328.310
Trả trước cho người bán	132		30.000.000	79.394.993
Các khoản phải thu khác	135	4.4	2.044.075.455	2.962.970.685
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(4.902.683.349)	(4.937.000.000)
Hàng tồn kho	140	4.6	28.254.032.233	32.540.022.404
Hàng tồn kho	141		29.710.348.649	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.456.316.416)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.168.013.674	11.707.480.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.7	13.541.873.741	11.012.610.246
Tài sản ngắn hạn khác	158		626.139.933	694.869.893
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.999.042.492	129.132.227.577
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		100.833.420.617	101.841.349.864
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	58.659.011.273	65.674.606.991
Nguyên giá	222		119.813.303.767	127.112.967.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.154.292.494)	(61.438.360.623)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	340.000.000	-
Nguyên giá	228		340.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	41.834.409.344	36.166.742.873
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư dài hạn khác	258	4.11	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		354.446.171	479.702.009
Chi phí trả trước dài hạn	261		354.446.171	479.702.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		332.604.942.510	348.065.921.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		30.901.341.936	31.848.800.986
Nợ ngắn hạn	310		30.901.341.936	31.848.800.986
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	247.426.902	247.426.902
Phải trả cho người bán	312	4.13	2.348.150.876	3.828.597.534
Người mua trả tiền trước	313		1.551.690.000	632.600.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.7	2.030.288.095	2.199.448.190
Phải trả công nhân viên	315		6.574.982.694	6.922.027.999
Chi phí phải trả	316	4.14	14.405.535.519	12.422.842.004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	1.410.984.366	2.054.639.070
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	2.332.283.484	3.541.219.287
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	301.703.600.574	316.217.120.674
Vốn chủ sở hữu	410		301.703.600.574	316.217.120.674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		71.123.106.879	65.243.925.382
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.104.995.493	12.531.062.057
Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.975.498.202	45.942.133.235
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		332.604.942.510	348.065.921.660

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngoại tệ các loại			
- USD	4.1	2.511,13	2.507,25

Cluco

nhu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63.873.191.649	142.047.640.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	63.873.191.649	142.047.640.067
Giá vốn hàng bán	11	5.2	64.228.561.382	125.825.475.120
Lợi nhuận gộp	20		(355.369.733)	16.222.164.947
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	12.076.986.563	15.419.843.970
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		121.035.024	242.398.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	7.862.544.045	6.648.362.397
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3.738.037.761	24.751.247.637
Thu nhập khác	31	5.5	23.414.587.528	34.120.681.347
Chi phí khác	32	5.6	5.779.682.143	18.446.622.822
Lợi nhuận khác	40		17.634.905.385	15.674.058.525
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.372.943.146	40.425.306.162
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	3.871.585.034	5.715.322.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	-	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.501.358.112	34.209.983.341
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	909	1.777

Chức vụ



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	21.372.943.146	40.425.306.162
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.922.882.094	7.336.997.242
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.421.999.765	(1.429.898.999)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.848.318.570)	(31.053.603.586)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(130.493.565)	15.278.800.819
Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	14.618.636.226	(14.626.294.384)
Giảm hàng tồn kho	10	2.829.673.755	2.075.983.076
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	159.126.206	(20.165.221.651)
Giảm chi phí trả trước	12	125.255.838	1.139.981.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.437.268.017)	(4.846.815.435)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.500.824.374)	(9.386.359.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.664.106.069	(30.524.925.401)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.908.003.612)	(15.796.991.478)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	21.734.163.418	21.414.838.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.143.720.806	15.208.903.114
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.969.880.612	10.826.749.636
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.995.471.000)	(38.453.270.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.995.471.000)	(38.453.270.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	4.638.515.681	(58.151.446.265)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	139.520.497.552	197.671.943.817
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	144.159.013.233	139.520.497.552





NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM **NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG** **LÊ VĂN LỢI**
 Người lập bảng Kế toán trưởng Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long (ngừng hoạt động từ cuối tháng 5 năm 2014 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị);
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung (ngừng hoạt động từ cuối năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị).

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số lượng công nhân viên của Công ty là 562 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 685 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

7-005
ÁNH
TNH
ĐÁN
O
ÁI MINH
ĐƠN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.



3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang ("XDCB")

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định, tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	2.188.772.225	1.232.057.079
Tiền gửi ngân hàng - VND	31.701.046.200	28.235.572.782
Tiền gửi ngân hàng - USD	53.687.959	52.867.691
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	110.215.506.849	110.000.000.000
	144.159.013.233	139.520.497.552

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.511,13 USD tương đương với 53.687.959 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 4,6%-5,6%/năm.

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND	10.000.000.000	10.000.000.000

4.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại – Bên thứ ba (*)	10.797.410.482	27.036.187.970
Phải thu thương mại – Bên liên quan	56.038.290	24.140.340
	10.853.448.772	27.060.328.310

(*) Trong đó bao gồm 4.219.180.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân ("DNTN") Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 316.984.495 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long. Các khoản phải thu khó đòi này đã được lập dự phòng.

4.4 Phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi dự thu	596.500.000	664.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	274.500.000	303.000.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	241.222.148	500.810.815
Phải thu khác (*)	931.853.307	1.495.159.870
	2.044.075.455	2.962.970.685

(*) Trong đó bao gồm 517.820.000 VND là khoản trả trước cho Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng.

3767-
 NHÀ
 TY K
 M T O
 Đ O
 HỒ CHÍ
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.937.000.000	6.366.898.999
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(34.316.651)	(1.429.898.999)
Số dư cuối năm	4.902.683.349	4.937.000.000

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	1.752.328.701	2.770.918.852
Công cụ dụng cụ	639.438.773	585.438.559
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	457.474.841	141.601.806
Thành phẩm	26.858.876.334	29.039.833.187
Hàng hóa	2.230.000	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	29.710.348.649	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.456.316.416)	-
Giá trị thuần	28.254.032.233	32.540.022.404

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	1.456.316.416	-
Số dư cuối năm	1.456.316.416	-

4.7 Thuế

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền thuế đất (tạm nộp) (*)	13.541.873.741	11.008.079.226
Thuế tài nguyên (nộp thừa)	-	4.531.020
	13.541.873.741	11.012.610.246

(*) : Đây là tiền thuế đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp dựa trên đơn giá cho thuê đất tạm tính theo quy định của Nhà Nước do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuế đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân	6.665.705	43.227.445
Thuế GTGT hàng bán nội địa	284.503.737	852.224.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.738.312.853	1.303.995.836
Thuế khác	805.800	-
	2.030.288.095	2.199.448.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2014	37.343.023.635	21.097.911.859	3.653.103.507	1.092.022.320	63.926.906.293	127.112.967.614
Tăng từ XDCB	2.304.330.149	121.800.000	-	-	1.474.206.992	3.900.337.141
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(11.027.430.608)	(11.200.000.988)
Vào ngày 31/12/2014	39.647.353.784	21.047.141.479	3.653.103.507	1.092.022.320	54.373.682.677	119.813.303.767
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2014	25.978.457.904	11.262.095.433	3.393.552.327	1.017.456.788	19.786.798.171	61.438.360.623
Khấu hao trong năm	2.278.497.097	2.002.887.586	131.355.796	29.402.728	2.511.723.998	6.953.867.205
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(7.065.364.954)	(7.237.935.334)
Vào ngày 31/12/2014	28.256.955.001	13.092.412.639	3.524.908.123	1.046.859.516	15.233.157.215	61.154.292.494
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2014	11.364.565.731	9.835.816.426	259.551.180	74.565.532	44.140.108.122	65.674.606.991
Vào ngày 31/12/2014	11.390.398.783	7.954.728.840	128.195.384	45.162.804	39.140.525.462	58.659.011.273

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.195.981.581 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 24.462.364.950 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 2.222.115.753 VND.

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 271.744.928 VND và 38.106.180 VND.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 và Nông trường cao su Phong Phú, chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Hòa Bình 2	63.622	10.932.136.443	(7.048.542.166)	3.883.594.277
Phong Phú	717	95.294.165	(16.822.788)	78.471.377
	64.339	11.027.430.608	(7.065.364.954)	3.962.065.654

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2014	-
Tăng từ XDCB	340.000.000
Vào ngày 31/12/2014	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2014	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2014	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2014	-
Vào ngày 31/12/2014	340.000.000

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2014	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	25.555.939.946	7.963.988.578	(1.071.717.026)	32.448.211.498
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	8.178.858.232	1.551.920.489	(402.489.966)	9.328.288.755
Phần mềm quản lý vườn cây	340.000.000	-	(340.000.000)	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	2.091.944.695	392.094.545	(2.426.130.149)	57.909.091
	36.166.742.873	9.908.003.612	(4.240.337.141)	41.834.409.344

4.11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này.

4.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công nợ thâm canh cà phê	247.426.902	247.426.902

Đây là khoản công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.13 Phải trả người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	<u>2.348.150.876</u>	<u>3.828.597.534</u>

4.14 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí ăn giữa ca	143.689.000	194.790.000
Chi phí thuê đất (*)	14.206.846.519	11.673.052.004
Chi phí khác	55.000.000	555.000.000
	<u>14.405.535.519</u>	<u>12.422.842.004</u>

(*) : Đây là khoản tiền thuê đất ước tính phải trả cho Nhà nước đối với đất nông nghiệp thuê với diện tích ước tính khoảng 2.082 ha trên cơ sở đơn giá cho thuê đất theo quy định từ khi chuyển sang công ty cổ phần, do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.15 Phải trả khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức phải trả	1.104.176.268	1.149.647.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh	282.241.300	453.063.008
Phải trả khác	24.566.798	451.928.794
	<u>1.410.984.366</u>	<u>2.054.639.070</u>

4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.541.219.287	2.811.907.677
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	4.721.800.308	9.500.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(5.899.751.000)	(8.739.359.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(30.985.111)	(31.329.390)
Số dư cuối năm	<u>2.332.283.484</u>	<u>3.541.219.287</u>

13337
 CHI
 ÔNG
 KIỂM
 B
 S1 TP. H
 7 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.17 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	79.083.643.176	330.607.137.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	34.209.983.341	34.209.983.341
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.251.493.282	3.000.000.000	(19.251.493.282)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(500.000.000)	-	(9.000.000.000)	(9.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư 31/12/2013	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Năm nay					
Số dư 01/01/2014	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.501.358.112	17.501.358.112
Tăng khác	-	-	-	286.495.470	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	5.879.181.497	1.573.933.436	(7.453.114.933)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
Chia cổ tức	-	-	-	(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(629.573.374)	(629.573.374)
Số dư 31/12/2014	192.500.000.000	71.123.106.879	14.104.995.493	23.975.498.202	301.703.600.574

Trong năm, các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014.

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2014 VND	2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>192.500.000.000</u>	<u>192.500.000.000</u>
Chia cổ tức trong năm	26.950.000.000	38.500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014, cổ tức năm 2013 được chia theo tỷ lệ 14% (cổ tức năm 2012 chia trong năm 2013 : 20%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi : không có		



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	47.350.914.136	65.715.875.000
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	-	38.896.738.822
Doanh thu bán thức ăn gia súc	2.669.461.013	18.064.814.815
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	-	11.479.175.230
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	13.852.816.500	7.891.036.200
	63.873.191.649	142.047.640.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	63.873.191.649	142.047.640.067

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn bán mũ cao su	47.831.535.093	51.901.314.592
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	-	37.169.814.365
Giá vốn thức ăn gia súc	3.757.430.964	18.260.654.069
Giá vốn sản xuất và gia công đồ gỗ	-	11.260.672.811
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	12.639.595.325	7.233.019.283
	64.228.561.382	125.825.475.120

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.020.237.509	60.686.927.696
Chi phí nhân công	29.236.654.185	35.165.568.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.218.595.788	7.008.360.096
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.141.002.929	1.087.596.088
Chi phí gia công	7.271.500.059	7.189.062.098
Chi phí khác	8.975.930.255	12.837.342.111
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	(315.873.035)	(141.601.806)
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	2.180.956.853	1.992.220.244
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.499.556.839	-
	64.228.561.382	125.825.475.120

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.584.885.545	10.608.216.316
Cổ tức được chia	4.491.335.261	4.807.686.798
Lãi chênh lệch tỷ giá	765.757	3.940.856
	12.076.986.563	15.419.843.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.875.048.237	6.432.595.327
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	108.991.648	78.455.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.569.455	253.647.884
Thuế, phí và lệ phí	11.794.115	153.621.077
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(1.067.218.125)
Chi trợ cấp thôi việc	1.374.285.500	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(34.316.651)	(1.429.898.999)
Chi phí khác	2.288.171.741	2.227.159.777
	7.862.544.045	6.648.362.397

5.5 Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu thanh lý cây cao su	21.921.343.600	33.608.118.000
Thu thanh lý tài sản cố định	42.000.000	1.750.000
Xử lý nợ phải trả	-	124.925.000
Thu khác	1.451.243.928	385.888.347
	23.414.587.528	34.120.681.347

5.6 Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.962.065.654	5.777.137.528
Chi phí thanh lý tài sản	229.180.182	12.193.280.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	465.716.851	74.989.262
Chi phí khác	1.122.719.456	401.216.032
	5.779.682.143	18.446.622.822

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.871.585.034	5.715.322.821
Chi phí thuế hoãn lại	-	500.000.000
	<u>3.871.585.034</u>	<u>6.215.322.821</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	21.372.943.146	40.425.306.162
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
- Chi phí không được khấu trừ	716.505.906	168.930.419
- Thu nhập không chịu thuế	(4.491.335.261)	(4.807.686.798)
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(2.000.000.000)
Lợi nhuận tính thuế	<u>17.598.113.791</u>	<u>33.786.549.783</u>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (25%x50%)	-	2.731.314.625
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (2014 : 22%; 2013 : 25%)	3.871.585.034	2.984.008.196
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.871.585.034</u>	<u>5.715.322.821</u>

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014	2013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.501.358.112	34.209.983.341
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>909 VND/CP</u>	<u>1.777 VND/CP</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thức ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013

	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Đơn vị tính : triệu VND	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu bán cho bên ngoài	47.351	65.715	13.853	46.788	2.669	18.065	-	11.479	63.873	142.047
Giá vốn	(47.832)	(51.875)	(12.640)	(44.403)	(3.757)	(18.287)	-	(11.261)	(64.229)	(125.826)
Chi phí bán hàng	(29)	(29)	(15)	(37)	(77)	(175)	-	(1)	(121)	(242)
Lợi nhuận khác	18.355	15.670	(140)	4	(580)	-	-	-	17.635	15.674
Kết quả bộ phận	17.815	29.481	1.058	2.352	(1.719)	(397)	-	217	17.158	31.653
Chi phí không phân bổ									(7.862)	(6.648)
Doanh thu tài chính									12.077	15.420
Chi phí tài chính									(3.872)	(6.215)
Thuế TNDN									17.501	34.210
Lợi nhuận sau thuế									9.908	15.797
Chi phí mua sắm tài sản	9.908	15.609	-	188	-	-	-	-	9.908	15.797
Chi phí khấu hao	5.709	6.025	406	441	807	871	-	-	6.922	7.337

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013

	Cao su		Nông sản		Thức ăn gia súc		Gỗ		Đơn vị tính : triệu VND	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản bộ phận	323.573	320.537	3.983	14.383	5.049	9.007	-	4.139	332.605	348.066
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	323.573	320.537	3.983	14.383	5.049	9.007	-	4.139	332.605	348.066
Nợ phải trả bộ phận	29.248	28.873	831	56	822	2.919	-	-	30.901	31.848
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	29.248	28.873	831	56	822	2.919	-	-	30.901	31.848

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.159	139.520	144.159	139.520
Đầu tư ngắn hạn	10.000	10.000	10.000	10.000
Phải thu khách hàng	5.951	22.123	5.951	22.123
Phải thu khác	2.044	2.963	2.044	2.963
	162.154	174.606	162.154	174.606
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.348	3.829	2.348	3.829
Các khoản phải trả khác	16.921	13.328	16.921	13.328
	19.269	17.157	19.269	17.157

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	363.000.000	6.922.550.000
Chi phí cưa, cắt cây cao su thanh lý	-	12.193.280.000
Bà Châu Thị Hồng Điệp		
Gia công mủ	31.897.950	25.638.400
Công ty TNHH Lê Danh		
Mua nhiên liệu	1.434.788.620	1.872.358.182

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Bà Châu Thị Hồng Điệp		
Phải thu thương mại	56.038.290	24.140.340

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau :

	2014 VND	2013 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.694.260.786</u>	<u>4.402.426.171</u>



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Người lập bảng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
 Kế toán trưởng





LÊ VĂN LỢI
 Tổng Giám đốc
 TP. Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2015